

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân

Căn cứ Điều 149 Bộ luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn lao động,

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân; Danh mục phương tiện bảo vệ cá nhân trang bị cho người lao động làm nghề, công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sử dụng lao động trong doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã; cá nhân có sử dụng lao động, bao gồm:

a) Các cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp; lực lượng vũ trang (bao gồm cả lực lượng làm công tác cơ yếu);

b) Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội khác;

c) Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế;

d) Hợp tác xã;

đ) Các cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế có trụ sở đóng trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

e) Các tổ chức, cá nhân khác có sử dụng lao động.

2. Công chức, viên chức, người lao động làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm, độc hại kể cả cán bộ quản lý thường xuyên đi thanh tra, kiểm tra, giám sát hiện trường, cán bộ nghiên cứu, giáo viên giảng dạy, sinh viên thực

tập, học sinh học nghề hoặc người thử việc trong các doanh nghiệp, cơ quan, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân có sử dụng lao động nêu tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Phương tiện bảo vệ cá nhân

1. Phương tiện bảo vệ cá nhân là những dụng cụ, phương tiện cần thiết mà người lao động phải được trang bị để sử dụng trong khi làm việc hoặc thực hiện nhiệm vụ để bảo vệ cơ thể khỏi tác động của các yếu tố nguy hiểm, độc hại phát sinh trong quá trình lao động, khi các giải pháp công nghệ, thiết bị, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc chưa thể loại trừ hết.

2. Phương tiện bảo vệ cá nhân bao gồm:

- a) Phương tiện bảo vệ đầu;
- b) Phương tiện bảo vệ mắt, mặt;
- c) Phương tiện bảo vệ thính giác;
- d) Phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp;
- đ) Phương tiện bảo vệ tay, chân;
- e) Phương tiện bảo vệ thân thể;
- g) Phương tiện chống ngã cao;
- h) Phương tiện chống điện giật, điện từ trường;
- i) Phương tiện chống chết đuối;
- k) Các loại phương tiện bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động khác.

3. Phương tiện bảo vệ cá nhân trang bị cho người lao động phải phù hợp với việc ngăn ngừa có hiệu quả các tác hại của các yếu tố nguy hiểm, độc hại trong môi trường lao động, dễ dàng trong sử dụng, bảo quản và không gây tác hại khác.

4. Các phương tiện bảo vệ cá nhân phải đảm bảo chất lượng, quy cách theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định khác của nhà nước.

Chương II

NGUYÊN TẮC CẤP PHÁT, SỬ DỤNG, BẢO QUẢN PHƯƠNG TIỆN BẢO VỆ CÁ NHÂN

Điều 4. Điều kiện được trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân

Người lao động trong khi làm việc chỉ cần tiếp xúc với một trong những yếu tố nguy hiểm, độc hại dưới đây thì được trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân:

- 1. Tiếp xúc với yếu tố vật lý xấu;
- 2. Tiếp xúc với bụi và hoá chất độc hại;
- 3. Tiếp xúc với yếu tố sinh học độc hại, môi trường vệ sinh lao động xấu;

- a) Vi rút, vi khuẩn độc hại gây bệnh, côn trùng có hại;
- b) Phân, nước, rác, cống rãnh hôi thối;
- c) Các yếu tố sinh học độc hại khác;

4. Làm việc với máy, thiết bị, công cụ lao động, làm việc ở vị trí mà tư thế lao động nguy hiểm dễ gây ra tai nạn lao động; làm việc trên cao; làm việc trong hầm lò, nơi thiếu dưỡng khí; làm việc trên sông nước, trong rừng hoặc điều kiện lao động nguy hiểm, độc hại khác.

Điều 5. Nguyên tắc cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân

1. Người sử dụng lao động phải thực hiện các biện pháp về công nghệ, thiết bị, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động để loại trừ hoặc hạn chế tối đa các tác hại của yếu tố nguy hiểm, độc hại đến mức có thể được, cải thiện điều kiện lao động trước khi thực hiện biện pháp trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân.

2. Người sử dụng lao động thực hiện việc trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo danh mục tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này. Trong trường hợp các nghề, công việc chưa được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành mà xét thấy có yếu tố nguy hiểm, độc hại không bảo đảm an toàn sức khỏe cho người lao động thì người sử dụng lao động trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp với công việc đó, đồng thời phải báo cáo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương hoặc Bộ, ngành chủ quản theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này để đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bổ sung vào danh mục.

3. Người sử dụng lao động căn cứ vào mức độ yêu cầu của từng nghề hoặc công việc cụ thể tại cơ sở của mình, tham khảo ý kiến của tổ chức công đoàn cơ sở hoặc người đại diện tập thể người lao động để quyết định thời hạn sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân cho phù hợp với tính chất công việc và chất lượng của phương tiện bảo vệ cá nhân.

4. Người sử dụng lao động phải lập sổ cấp phát, theo dõi việc trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân và phải có chữ ký của người lao động nhận phương tiện bảo vệ cá nhân theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Người lao động có quyền yêu cầu người sử dụng lao động bổ sung mới hoặc thay đổi loại phương tiện bảo vệ cá nhân quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này cho phù hợp với điều kiện thực tế. Người sử dụng lao động tham khảo ý kiến của tổ chức công đoàn cơ sở hoặc người đại diện tập thể người lao động trước khi quyết định.

6. Người đến thăm quan, học tập thì tùy theo yêu cầu cụ thể, người sử dụng lao động cấp phát các phương tiện bảo vệ cá nhân cần thiết để sử dụng trong thời gian thăm quan, học tập.

7. Nghiêm cấm người sử dụng lao động cấp phát tiền thay cho việc cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động hoặc giao tiền cho người lao động tự đi mua.

Điều 6. Nguyên tắc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân

1. Người sử dụng lao động phải tổ chức hướng dẫn người lao động sử dụng thành thạo các phương tiện bảo vệ cá nhân thích hợp và phải kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng.

2. Các phương tiện bảo vệ cá nhân chuyên dùng có yêu cầu kỹ thuật cao thì người sử dụng lao động (hoặc người được ủy quyền cấp phát) phải kiểm tra để bảo đảm chất lượng, quy cách trước khi cấp, đồng thời định kỳ kiểm tra trong quá trình sử dụng và ghi sổ theo dõi; không sử dụng các phương tiện không đạt yêu cầu kỹ thuật hoặc quá hạn sử dụng.

3. Người được trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân phải sử dụng phương tiện đó theo đúng quy định trong khi làm việc. Nếu người lao động vi phạm thì tùy theo mức độ vi phạm phải chịu hình thức kỷ luật theo nội quy lao động của cơ sở mình hoặc theo quy định của pháp luật.

4. Người lao động không phải trả tiền về việc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. Người sử dụng lao động có trách nhiệm trang bị lại cho người lao động phương tiện bảo vệ cá nhân khi bị mất, hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng. Trường hợp bị mất, hư hỏng mà không có lý do chính đáng thì người lao động phải bồi thường theo quy định của nội quy lao động cơ sở. Khi hết thời hạn sử dụng hoặc khi chuyển làm công việc khác thì người lao động phải trả lại những phương tiện bảo vệ cá nhân nếu người sử dụng lao động yêu cầu nhưng phải ký bàn giao.

Điều 7. Nguyên tắc bảo quản phương tiện bảo vệ cá nhân

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm bố trí nơi cất giữ, bảo quản phương tiện bảo vệ cá nhân theo hướng dẫn của nhà sản xuất, chế tạo phương tiện bảo vệ cá nhân. Người lao động có trách nhiệm giữ gìn phương tiện bảo vệ cá nhân được giao.

2. Các phương tiện bảo vệ cá nhân để sử dụng ở những nơi không đảm bảo vệ sinh, dễ gây nhiễm độc, nhiễm trùng, nhiễm phóng xạ thì sau khi sử dụng, người sử dụng lao động phải có các biện pháp làm sạch, khử độc, khử trùng, tẩy xạ bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh an toàn cho người lao động, môi trường xung quanh và phải định kỳ kiểm tra.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của người sử dụng lao động

1. Căn cứ vào quy định về trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân được ban hành tại Thông tư này và thời hạn sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân đã được quyết định, hàng năm, người sử dụng lao động tham khảo ý kiến của tổ chức

công đoàn cơ sở hoặc người đại diện của người lao động để lập kế hoạch mua sắm (bao gồm cả dự phòng).

2. Hạch toán kinh phí về mua sắm, trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân vào chi phí thường xuyên đối với các cơ quan hành chính, sự nghiệp, vào chi phí sản xuất kinh doanh của cơ sở sản xuất, kinh doanh.

3. Định kỳ báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương về tình hình thực hiện trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cùng với tình hình thực hiện công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phổ biến Thông tư này tới các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đóng trên địa bàn; đồng thời hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân trên địa bàn quản lý.

2. Định kỳ tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình thực hiện Thông tư này cùng với tình hình thực hiện công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động của các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn.

Điều 10. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổng hợp, đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành bổ sung Danh mục phương tiện bảo vệ cá nhân trang bị cho người lao động làm nghề, công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại và hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

2. Quyết định số 1407/1997/QĐ-BLĐTBXH ngày 14 tháng 11 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành tiêu chuẩn trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho các nghề, công việc đặc thù của ngành Dệt trữ quốc gia; Thông tư số 10/1998/TT-LĐTBXH ngày 28 tháng 5 năm 1998 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân; Quyết định số 68/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động làm nghề, công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại và các văn bản khác có nội dung trái với quy định tại Thông tư này hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu và giải quyết./. *Thắng*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng BCĐ TƯ về phòng, chống tham nhũng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương các đoàn thể và các Hội;
- Kiểm toán nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Tập đoàn kinh tế và các Tổng công ty hạng đặc biệt;
- Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Cục ATLD (15 b), PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Hồng Lĩnh

Phụ lục 1

DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN BẢO VỆ CÁ NHÂN TRANG BỊ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM NGHỀ, CÔNG VIỆC CÓ YẾU TỐ NGUY HIỂM, ĐỘC HẠI (Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

I. ĐO ĐẠC - XÂY DỰNG BẢN ĐỒ

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Chọn điểm tam giác ở vùng rừng núi, hải đảo.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Tất chống vắt; - Giày đi rừng cao cổ; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Áo mưa; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị khi làm việc ở mặt nước.
2	Đo ngắm tam giác.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Tất chống vắt; - Giày vải bạt thấp cổ⁽¹⁾; - Quần áo và mũ chống lạnh⁽²⁾; - Phao cứu sinh⁽³⁾; - Áo mưa; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Thay bằng giày vải bạt cao cổ đi rừng khi làm việc ở vùng rừng núi. ⁽²⁾ Trang bị khi làm việc ở vùng rét. ⁽³⁾ Trang bị khi làm việc ở mặt nước.
3	- Chọn điểm chôn mốc, Đo thủy chuẩn; - Đo thiên văn, trọng lực, điện quang; - Đổ mốc xi măng cát đá; - Điều vẽ bản đồ địa hình; - Chôn mốc giải tích xi măng cát đá.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ⁽¹⁾; - Tất chống vắt; - Quần áo và mũ chống lạnh⁽²⁾; - Phao cứu sinh⁽³⁾; - Áo mưa; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học⁽⁴⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Thay bằng giày vải bạt cao cổ đi rừng khi làm việc ở vùng rừng núi. ⁽²⁾ Trang bị khi làm việc ở vùng rét. ⁽³⁾ Trang bị khi làm việc ở mặt nước. ⁽⁴⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
4	Trắc địa, đo đạc cắm tuyến cầu đường.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng;	⁽¹⁾ Trang bị khi làm việc ở vùng

		- Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Tất chống vắt; - Quần áo và mũ chống lạnh⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽²⁾; - Áo mưa; - Xà phòng.	rét. ⁽²⁾ Trang bị khi làm việc ở mặt nước.
5	Đo đạc và phân hạng ruộng đất để vẽ bản đồ địa chính.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Tất chống vắt; - Áo mưa; - Xà phòng.	
6	Dựng cột tiêu, bảo quản cột tiêu, xây bệ móng, đổ mốc xi măng cát đá.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ⁽¹⁾; - Tất chống vắt; - Đệm vai; - Quần áo và mũ chống lạnh⁽²⁾; - Phao cứu sinh⁽³⁾; - Dây an toàn chống ngã cao⁽⁴⁾; - Khẩu trang lọc bụi⁽⁵⁾; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học⁽⁵⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Thay bằng giày vải bạt cao cổ đi rừng khi làm việc ở vùng rừng núi. ⁽²⁾ Trang bị khi làm việc ở vùng rét. ⁽³⁾ Trang bị khi làm việc trên mặt nước. ⁽⁴⁾ Trang bị khi làm việc trên cao. ⁽⁵⁾ Dùng khi cạo rì, sơn tẩm thuốc chống mối mọt đối với cột tiêu thép, gỗ.

II. KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Quan trắc viên khí tượng mặt đất (đo nhiệt độ, độ ẩm, khí áp, mưa, gió, bảo quản thiết bị).	- Quần áo lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Áo mưa; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Kính chống bức xạ; - Găng tay vải bạt; - Mũ chống lạnh⁽¹⁾; - Áo choàng vải xanh⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị theo vùng có nhiệt độ thấp dưới 13 ⁰ 5. ⁽²⁾ Trang bị để sử dụng khi đo bức xạ.

2	Quan trắc viên Thủy văn: Đo lưu lượng nước sông.	- Quần áo lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Áo mưa; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Áo, Mũ chống lạnh⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị sử dụng khi làm việc trên mặt nước sâu. ⁽²⁾ Trang bị theo vùng có nhiệt độ thấp dưới 13⁰5.
3	Quan trắc viên Thủy văn: Đo mực nước sông.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Áo mưa; - Ủng cao su; - Găng tay cao su; - Áo, Mũ chống lạnh⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị theo vùng có nhiệt độ thấp dưới 13⁰5. ⁽²⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
4	Quan trắc viên hải văn: Đo mực nước biển, độ mặn, độ PH.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Áo mưa; - Ủng cao su; - Găng tay cao su; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Áo, Mũ chống lạnh⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị sử dụng khi làm việc trên mặt nước sâu. ⁽²⁾ Trang bị theo vùng có nhiệt độ thấp dưới 13⁰5.
5	Thu thập số liệu mưa ở các trạm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Áo mưa; - Giày vải bạt thấp cổ; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Xà phòng.	
6	Quan trắc viên khí tượng nông nghiệp (đo đặc các yếu tố khí tượng mặt đất, trồng các loại cây để thực nghiệm về khí tượng nông nghiệp).	- Quần áo lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Áo mưa; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay cao su; - Áo, Mũ chống lạnh⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị theo vùng có nhiệt độ thấp dưới 13⁰5.
7	Quan trắc viên khí tượng cao không (đo nhiệt độ, độ ẩm, áp suất khí quyển, đo gió ở các độ cao khác nhau).	- Áo choàng vải màu trắng; - Ủng cao su; - Áo mưa; - Áo, Mũ chống lạnh⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị theo vùng có nhiệt độ thấp dưới 13⁰5.
8	Vận hành máy điều chế khí H ₂ .	- Quần áo lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay cao su; - Áo, mũ chống lạnh⁽¹⁾;	⁽¹⁾ Trang bị theo vùng có nhiệt độ thấp dưới 13⁰5.

		- Xà phòng.	
9	Quan trắc ôzôn và tia cực tím.	- Áo choàng vải màu trắng; - Mũ vải; - Kính chống bức xạ; - Ủng cách điện ⁽¹⁾ ; - Găng tay cách điện ⁽¹⁾ ; - Áo, Mũ chống lạnh ⁽²⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị theo vùng có nhiệt độ thấp dưới 13 ⁰ 5.
10	Quan trắc viên môi trường.	- Quần áo lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Áo mưa; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Áo, Mũ chống lạnh ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị theo vùng có nhiệt độ thấp dưới 13 ⁰ 5.
11	Hóa nghiệm môi trường nước và không khí (thuộc Viện Khí tượng Thủy văn).	- Áo choàng vải màu trắng; - Mũ vải trắng; - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
12	Khảo sát khí tượng thủy văn, hải văn nông nghiệp và môi trường.	- Quần áo lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Áo mưa; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Phao cứu sinh ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
13	Kiểm định và sửa chữa máy khí tượng thủy văn.	- Quần yếm; - Mũ vải; - Xà phòng.	

III. TÌM KIẾM - THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TÀI NGUYÊN

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	- Trắc địa Carota; - Trắc địa, đo đạc cắm tuyến khảo sát.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Ủng cao su; - Tất chống vắt; - Đệm vai; - Áo mưa; - Quần áo và mũ chống lạnh ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.
2	- Tìm kiếm, khảo sát dầu khí; - Tìm kiếm địa chất, đi	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn	⁽¹⁾ Cấp khi đi khảo sát ở trên rừng.

	lộ trình tại các đơn vị tìm kiếm và thăm dò, theo dõi thi công các công trình địa chất.	trượt. - Tất chống vắt ⁽¹⁾ ; - Quần áo và mũ chống lạnh ⁽²⁾ ; - Ủng cao su ⁽³⁾ ; - Áo mưa; - Xà phòng.	⁽²⁾ Cấp khi làm việc ở vùng rét. ⁽³⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
3	Địa vật lý hàng không.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
4	Địa vật lý mặt biển.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Xà cạp; - Áo mưa; - Quần áo và mũ chống lạnh ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Cấp khi làm việc ở vùng rét.
5	Đãi mẫu sa khoáng, lấy mẫu kim lượng, mẫu rãnh, mẫu vĩa, gia công công nghiệp.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Ủng cao su; - Áo mưa; - Quần áo và mũ chống lạnh ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Cấp khi làm việc ở vùng rét.
6	Mài mẫu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
7	Nghiền giã quặng, rây và đóng gói quặng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khăn mặt bông; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
8	Carôta phóng xạ.	- Quần áo vải dày và trơn; - Áo quần lót xuân hè; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt hoặc cao su; - Giày vải bạt thấp cổ; - Tay gấp nguồn; - Bộ ứng phó sự cố bức xạ. - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng ⁽¹⁾ ; - Quần áo chống tia Ronghen và	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		phóng xạ ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	
9	Tìm kiếm và thăm dò chuyên đề phóng xạ.	- Quần áo vải dày và trơn; - Áo quần lót xuân hè; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Tất chống rét; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Quần áo chống lạnh ⁽¹⁾ ; - Ủng cao su ⁽²⁾ ; - Áo mưa; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. ⁽²⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
10	- Tuyển khoáng phóng xạ, nghiền bã quặng phóng xạ; - Nhân viên kỹ thuật làm việc tại vùng mỏ phóng xạ.	- Áo quần vải dày và trơn; - Áo quần lót xuân hè; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Quần áo + tất chống lạnh ⁽¹⁾ ; - Ủng cao su ⁽²⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. ⁽²⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
11	Làm việc trong các phòng, lí, hóa nghiệm phóng xạ.	- Áo choàng trắng; - Quần vải trắng; - Mũ vải trắng; - Găng tay cao su mỏng; - Dép xốp; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
12	Tiếp xúc với tia X, tia phóng xạ, siêu âm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay cao su chống phóng xạ; - Yếm chống tia Ronghen và phóng xạ; - Xà phòng.	
13	Ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân.	- Bộ quần áo bảo vệ chống phóng xạ và nhiễm bẩn phóng xạ; - Mặt nạ chống phóng xạ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ bảo vệ chuyên dùng để ngăn	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

		ngừa tia phóng xạ; - Khăn mặt bông; - Xà phòng; - Ủng cao su; - Găng tay cao su chống phóng xạ; - Yếm chống phóng xạ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học.	
--	--	---	--

IV. KHAI KHOÁNG

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
IV.1. Khai thác trong hầm lò.			
1	- Chống cước và vận tải trong lò chợ; - Chống cước trong lò (kể cả xây dựng và khai thác mỏ).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Ghệt vải bạt ⁽¹⁾ ; - Ủng cao su ⁽²⁾ ; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để dùng khi khai thác. ⁽²⁾ Trang bị để dùng khi cần thiết. - Lò bị đột nước được trang bị thêm Áo mưa.
2	Điều khiển các loại máy khoan, búa khoan, đục lỗ mìn, nhồi thuốc bắn mìn (xây dựng và khai thác mỏ).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Ghệt vải bạt ⁽²⁾ ; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để dùng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị để dùng khi khai thác. - Lò bị đột nước được trang bị thêm Áo mưa.
3	Mang thuốc và nhồi thuốc bắn mìn trong hầm lò (không khoan).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Ghệt vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để sử dụng khi cần thiết.
4	Vận hành hoặc lái các loại máy, thiết bị khai	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não cho	⁽¹⁾ Trang bị để sử dụng khi cần

	thác, xây dựng trong hầm lò (máy đào, máy xúc, máy đánh rạch, máy cào, máy xoắn ốc, quần lật).	công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cách điện ⁽²⁾ ; - Ủng cách điện ⁽²⁾ ; - Xà phòng.	thiết. (2) Trang bị theo máy để sử dụng khi cần thiết.
5	Mở máng, tháo máng, chọc máng, đổ khoáng sản vào xe goòng và đẩy xe goòng ra vào lò.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Ghệt vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
6	Vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị, máy trong hầm lò.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Đệm vai; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
7	Lái tàu điện vận tải khoáng sản trong lò ra.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Găng tay cách điện; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
8	Bắt nhíp và móc nối toa goòng tàu điện trong hầm lò.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Găng tay cách điện ⁽¹⁾ ; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
9	Lắp đặt, sửa chữa định kỳ các loại máy, thiết bị khai thác và xây dựng mỏ trong hầm lò.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ghệt vải bạt; - Đệm vai; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
10	- Trực sửa chữa cơ khí, điện trong hầm lò; - Mặc và sửa chữa	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò);	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

	đường dây điện thoại, truyền thanh trong hầm lò.	- Găng tay vải bạt; - Găng tay cách điện⁽¹⁾; - Ủng cách điện⁽¹⁾; - Giày vải bạt thấp cổ; - Đèn pin; - Ghệt vải bạt; - Đệm vai; - Xà phòng.	
11	- Lắp đặt, sửa chữa, thăm dò đường ống nước trong hầm lò; - Thợ sắt làm việc trong hầm lò.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ghệt vải bạt; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Đệm vai; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
12	Thông gió, thoát nước vệ sinh đường trong hầm lò.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
13	- Tu bổ, chống chữa lò; - Xây cuốn, xây cống rãnh trong hầm lò.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Ghệt vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
14	Đóng cửa gió trong lò.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
15	- Vận hành máy ép hơi; - Vận hành máy quạt gió vào lò; - Vận hành tời cho người và nguyên vật liệu lên xuống lò giếng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay cách điện⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽²⁾ Trang bị theo máy để dùng khi cần thiết.
16	- Trắc địa làm việc trong hầm lò; - Lấy mẫu khoáng sản trong hầm lò.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾;	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

		- Xà phòng.	
17	- Đóng cửa gió ngoài lò; - Đánh tín hiệu lò giềng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
IV.2. Khai thác lộ thiên và những việc làm trên tầng			
18	Vận hành máy khoan (xông đỏ, BC, xe gầu xoay).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay cách điện ⁽¹⁾ ; - Ủng cách điện ⁽¹⁾ ; - Áo mưa; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị theo máy để dùng khi cần thiết.
19	Điều khiển sửa chữa các loại búa khoan.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Đệm vai; - Đệm bụng; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo mưa; - Xà phòng.	
20	Mang mìn và nhồi thuốc bắn mìn, nổ mìn (không khoan).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Kính chống các vật văng bắn; - Áo mưa; - Xà phòng.	
21	- Lái các loại máy gạt, ủi, cào, đóng cọc, dồn đống; - Lái các loại máy xúc chạy bằng dầu (kể cả phụ lái).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Nịt bụng; - Áo mưa; - Xà phòng.	
22	Lái máy xúc điện (kể cả phụ lái)	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay cách điện ⁽¹⁾ ; - Ủng cách điện ⁽¹⁾ ; - Áo mưa; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị theo máy để dùng khi cần thiết.
23	Tháo máng, chọc tải, mở máng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng;	

		- Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo mưa; - Xà phòng.	
24	- Khai thác và xây dựng mỏ; + Xúc chuyên, thải đất đá; + Xúc vận chuyên khoáng sản khai thác; - Chuyên đổ đầu tầng, xúc lên goòng và đáy goòng, xúc lên ô tô, lên toa tàu; - San lấp, thu dọn, dồn đống, vận chuyển ở kho bãi chứa khoáng sản.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa; - Xà phòng.	Nữ được trang bị thêm khăn choàng chống bụi, nắng nóng (1,2m x 0,8m).
25	Đào hào, đào giếng (thăm dò và khai thác khoáng sản).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Áo mưa; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
26	Lái tàu điện trên tầng ngoài lò của các mỏ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Xà phòng.	
27	- Đánh tín hiệu đầu đường (đánh móc); - Điều độ xe ra vào moong và bãi thải.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Xà phòng.	
28.	Vận hành băng tải, kiểm tra loại thải đá và các tạp chất trên băng chuyên, trên toa xe và ở kho bãi chứa.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải⁽¹⁾; - Găng tay cao su; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn choàng chống bụi, nắng, nóng; - Áo mưa⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Thay bằng mũ, nón lá chống mưa nắng cho người làm việc ngoài trời. ⁽²⁾ Trang bị cho người làm việc ngoài trời.
29	Phục vụ chân trực (móc ngáo, đóng tay khoá, kéo	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não;	

	cáp, chén máy xúc).	- Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa; - Xà phòng.	
30	Lấy mẫu khoáng sản ở trên tầng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Xà phòng.	
31	Chuẩn bị dụng cụ, nguyên vật liệu để sản xuất, cấp phát dụng cụ, phương tiện cho công nhân sản xuất hàng ngày; mang dụng cụ ra nơi làm việc.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Xà phòng.	
32	- Kiểm tu và sửa chữa xe máy ở hiện trường khai thác mỏ lộ thiên; - Lắp đặt, tháo dỡ, di chuyển máy, thiết bị ở hiện trường khai thác và xây dựng mỏ lộ thiên.	- Quần áo vải bạt; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
IV.3. Nghiên - Sàng - Tuyển			
33	Đập, sàng chọn đá, quặng, than (làm thủ công) ở nhà sàng và các kho bãi chứa mỏ máng, kéo trang.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải⁽¹⁾; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng (1,2m x 0,8m)⁽¹⁾; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị thay bằng mũ, nón lá chống mưa nắng cho người làm việc ngoài trời.
34	- Vận hành máy sàng rung; - Vận hành máy đập, máy kẹp, máy nghiền khoáng sản; - Vận hành máy lọc, máy phân ly khoáng sản (than, quặng).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải⁽¹⁾; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo mưa; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Thay bằng mũ, nón lá chống mưa nắng cho người làm việc ngoài trời.
35	- Vận hành máy rửa quặng (dùng nước để rửa); - Vận hành máy súng nước, máy bơm nước; - Đãi khoáng sản, xúc	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải⁽¹⁾; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt bẩn; - Áo mưa;	⁽¹⁾ Thay bằng mũ, nón lá chống mưa nắng cho người làm việc ngoài trời.

	dọn ở máy rửa.	- Xà phòng.	
36	Đãi khoáng sản thủ công.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt bẩn; - Áo mưa; - Xà phòng.	
37	Lên thung nhà sàng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Thay bằng mũ, nón lá chống mưa nắng cho người làm việc ngoài trời.
38	Phân loại quặng bằng nam châm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo mưa; - Xà phòng.	
39	- Kéo tời, chèn tời, chèn xe, đóng chốt, tháo va gông; - Đẩy xe, bắn xe.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải ⁽¹⁾ ; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Thay bằng mũ, nón lá chống mưa nắng cho người làm việc ngoài trời.
40	Đóng cửa, quét ô gọi xe ở nhà sàng cân khoáng sản hoặc bên bãi chứa.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải ⁽¹⁾ ; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Thay bằng mũ, nón lá chống mưa nắng cho người làm việc ngoài trời.
41	Chọn hồ bùn, mở van bùn và dọn hầm quang lật.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ hoặc nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Áo mưa; - Xà phòng.	
42	- Chèn cân, sửa chữa cân ở bến bãi chứa khoáng sản (loại cân lớn nguyên toa, nguyên xe);	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ;	

- Sửa chữa cơ điện ở nhà sàng.	- Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa; - Xà phòng.	
--------------------------------	---	--

V. KHAI THÁC - VẬN CHUYỂN - CHẾ BIẾN - TÀNG TRỮ - PHÂN PHỐI SẢN PHẨM DẦU KHÍ

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	- Kíp trưởng, kỹ thuật dàn khoan; - Khoan sâu; - Bắn mìn, thử vỉa; - Sửa chữa khoan bơm; - Xây lắp tháp khoan; - Chạy máy diesel ở giàn khoan; - Thợ điện trên dàn khoan; - Thợ khảo sát giếng khoan; - Đo liều lượng phóng xạ giếng khoan; - Thợ vận hành trạm bơm ép vỉa; - Thợ vận hành trạm nén khí, máy nén khí; - Thợ nguội sửa chữa thiết bị khoan trên biển; - Thợ khai thác.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày chống xăng, dầu mỡ; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Nút tai chống ồn; - Mũ chống chấn thương sọ não có bộ phận vải trùm vai hoặc có vành che; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo mưa; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Áo phao⁽²⁾; - Khăn bông trùm đầu⁽³⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng trong trường hợp cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị để sử dụng khi làm việc trên biển. ⁽³⁾ Trang bị cho người làm việc trực tiếp với xăng dầu.
2	- Thợ xử lý hoá phẩm; - Bơm trám xi măng; - Sản xuất dung dịch khoan.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày chống xăng, dầu mỡ; - Găng tay vải bạt; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Nút tai chống ồn; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo mưa; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay chống axit, kiềm; - Yếm chống axit, kiềm; - Ủng chống axit, kiềm; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Áo phao⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị để dùng khi làm việc trên mặt biển.
3	Xây lắp các công trình	- Quần áo lao động phổ thông;	⁽¹⁾ Trang bị

	dầu khí.	- Giày da, giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su; - Mũ chống chấn thương sọ não có bộ phận vải trùm vai hoặc có vành che; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Áo phao⁽²⁾; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Đệm vai; - Khăn bông trùm đầu⁽³⁾; - Xà phòng.	chung để sử dụng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị để dùng khi làm việc trên mặt biển. ⁽³⁾ Trang bị cho người làm việc trực tiếp với xăng dầu.
4	Thợ hàn các công trình dầu khí.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày da, giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su; - Mũ chống chấn thương sọ não có bộ phận vải trùm vai hoặc có vành che; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Áo phao⁽²⁾; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Mặt nạ hàn; - Kính hàn hơi; - Găng tay cách điện; - Ghệt vải bạt; - Đệm vai; - Khăn bông trùm đầu⁽³⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị để dùng khi làm việc trên mặt biển. ⁽³⁾ Trang bị cho người làm việc trực tiếp với xăng dầu.
5	Kỹ thuật lấy mẫu nước.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾;	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị cho người làm việc trên mặt biển.

		- Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Áo phao⁽²⁾; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay cao su; - Đệm vai; - Xà phòng.	
6	Thợ vận hành hệ thống dẫn khí, dẫn dầu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não có bộ phận vải trùm vai hoặc có vành che; - Giày chống xăng, dầu mỡ; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Bịt tai chống ồn⁽¹⁾; - Găng tay cách điện⁽¹⁾; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Khăn bông trùm đầu⁽²⁾; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị cho người làm việc trực tiếp với xăng dầu.
7	Thợ sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống dẫn khí, dẫn dầu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não có bộ phận vải trùm vai hoặc có vành che; - Giày da cao cổ chống dầu; - Găng tay chống dầu; - Áo mưa; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Bịt tai chống ồn⁽¹⁾; - Găng tay cách điện⁽¹⁾; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Khăn bông trùm đầu⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị cho người làm việc trực tiếp với xăng dầu.
8	Chống ăn mòn kim loại cho các công trình dầu khí (phun cát, phun nhôm, phun sơn).	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày da cao cổ chống dầu; - Găng tay chống dầu; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Găng tay vải bạt; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Áo phao⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị khi làm việc trên mặt biển.

9	Hóa nghiệm xăng dầu.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	
10	Vận hành máy, thiết bị sản xuất các hoá phẩm dầu khí.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Kính chống axit⁽¹⁾; - Găng tay chống xăng, dầu, mỡ⁽¹⁾; - Găng tay chống axit, kiềm⁽¹⁾; - Ủng cao su chống dầu, axit⁽¹⁾; - Bán mặt nạ phòng độc⁽¹⁾; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Giấy da cao cổ mũi sắt⁽¹⁾; - Giấy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Quần áo chống axit⁽¹⁾; - Áo mưa; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giấy da cao cổ; - Ủng cao su; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi làm việc trực tiếp với axit.
11	Sửa chữa, bảo dưỡng máy, thiết bị sản xuất hóa phẩm dầu khí.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Kính chống axit⁽¹⁾; - Găng tay chống dầu⁽¹⁾; - Găng tay chống axit, kiềm⁽¹⁾; - Ủng chịu dầu, axit⁽¹⁾; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Giấy da cao cổ mũi sắt; - Giấy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Quần áo chống axit⁽¹⁾; - Áo mưa; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cách điện⁽²⁾; - Mặt nạ hàn⁽²⁾; - Kính hàn hơi⁽²⁾;	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi làm việc trực tiếp với axit. ⁽²⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết

		- Dây an toàn chống ngã cao⁽²⁾; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
12	- Nấu lọc, tái sinh dầu; - Pha chế dầu mỡ nhờn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày chống xăng, dầu mỡ; - Bán mặt nạ phòng độc; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết
13	Phân tích mẫu địa hoá, cổ sinh, thạch học, cơ lí, hoá phẩm, môi trường: dầu, nước, không khí nhiễm bẩn, nước thí nghiệm dầu.	- Áo choàng vải trắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Nút tai chống ồn; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	
14	Thử độc hại đối với sinh vật (phân tích môi trường).	- Áo choàng vải trắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	
15	Xử lý chất thải (phân tích môi trường).	- Quần áo lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống bức xạ; - Giày chống rung, dầu mỡ; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Găng tay vải; - Nút tai chống ồn; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Áo phao⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết ⁽²⁾ Trang bị khi làm việc trên mặt biển.
16	Kiểm tra không phá hủy (phương pháp tia X tia γ, hạt từ, thẩm thấu, rửa phim), thực địa hiện trường (phân tích môi trường).	- Quần áo lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống bức xạ; - Giày chống rung, dầu mỡ; - Găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Áo phao⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết ⁽²⁾ Trang bị khi làm việc trên mặt biển.
17	- Giao nhận, đo xăng dầu trong kho hang hầm;	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não;	⁽¹⁾ Trang bị cho người tiếp xúc

	- Vận hành máy bơm xăng, thông gió trong kho hang hầm.	- Găng tay vải bạt; - Giày chống xăng, dầu mỡ; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Bình dưỡng khí⁽¹⁾; - Bịt tai chống ồn; - Xà phòng.	trực tiếp với hơi xăng dầu.
18	- Giao nhận, đo xăng dầu, khí hoá lỏng (gas) ở các phương tiện chứa đựng đặt trong nhà, ngoài trời, trên tàu, xà lan, vận tải xăng dầu; - Đóng rót xăng, dầu, khí hóa lỏng (gas) vào các phương tiện vận tải, chứa đựng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Găng tay chống xăng, dầu, mỡ⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Bình dưỡng khí⁽¹⁾; - Giày chống xăng, dầu mỡ, chống trơn trượt; - Quần áo mưa; - Bộ quần áo thợ lặn⁽²⁾; - Phao cứu sinh⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc trực tiếp với xăng dầu. ⁽²⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
19	- Xúc rửa phuy xăng dầu; - Xúc rửa tàu, xà lan, bể, va gông, ô tô, xitéc.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay chống xăng, dầu, mỡ; - Ủng cao su chống dầu⁽¹⁾; - Dép nhựa có quai hậu; - Áo mưa; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Bình dưỡng khí⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị khi làm việc trong thùng hoặc bể.
20	Cạo rì, sơn, hàn các phương tiện chứa xăng dầu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Mặt nạ hàn⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
21	Bảo quản, sửa chữa, giải quyết sự cố đường ống, hồ van, máy bơm xăng dầu và bể dầu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày chống xăng, dầu mỡ; - Áo mưa; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
22	- Sửa chữa bến bãi xuất	- Quần áo lao động phổ thông;	

	nhập xăng dầu; - Nạo vét cống rãnh, cặn bẩn xăng dầu, gạn váng dầu.	- Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su chống dầu; - Xà phòng.	
23	Bốc xếp, vận lẫn phuy xăng dầu, khí hóa lỏng (gas), nhựa đường.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày mũi cứng thấp cổ, chống va đập, chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo mưa; - Xà phòng.	
24	Tháo lắp, sửa chữa cột bơm xăng dầu và một số thiết bị khác.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng ⁽¹⁾ ; - Găng tay cách điện ⁽¹⁾ ; - Ủng cách điện ⁽¹⁾ ; - Dây an toàn chống ngã cao ⁽¹⁾ ; - Áo mưa; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
25	Bán lẻ xăng, dầu mỡ, khí hóa lỏng tại các cửa hàng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày mũi cứng thấp cổ chống va đập, chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo mưa; - Xà phòng.	
26	Sĩ quan, thuyền viên làm việc trên tàu vận chuyển xăng dầu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Áo mưa; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Găng tay chống xăng, dầu, mỡ ⁽¹⁾ ; - Ủng cao su chống dầu ⁽¹⁾ ; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng ⁽¹⁾ ; - Bình dưỡng khí ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
27	Lái, phụ xe vận chuyển xăng dầu, khí hoá lỏng (gas) và các hoá chất khác.	- Quần áo lao động phổ thông; - Quần áo mưa; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt;	

		- Giày da thấp cổ chống xăng dầu, chống trơn trượt; - Xà phòng.	
28	Nhân viên ứng cứu sự cố dầu tràn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Giày chống xăng, dầu mỡ; - Ủng cao su chống dầu; - Găng tay chống xăng, dầu, mỡ; - Quần áo mưa; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi làm việc trên mặt nước.

VI. LÂM NGHIỆP

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Điều tra, đo đạc khảo sát tài nguyên rừng: thiết kế xác minh chuẩn bị rừng khai thác, tìm kiếm, tìm kiếm lâm sản động thực vật, thu hái hạt giống cây ở rừng núi cao, hải đảo.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Áo mưa; - Giày đi rừng cao cổ; - Tất chống vắt; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
2	- Chặt hạ gỗ bằng máy, bằng tay; - Vận xuất gỗ (thủ công và bằng cáp), lạng gỗ đường suối; - Thả và thu hoạch cánh kiến; - Săn bắt thú rừng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Quần áo chống lạnh ⁽¹⁾; - Mũ chống lạnh ⁽¹⁾; - Áo mưa; - Giày đi rừng cao cổ; - Tất chống vắt; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị khi làm việc ở vùng rét.
3	- Khai thác tre, nứa, song, mây, củi, lá cọ ở rừng núi; Khai thác phụ liệu đóng bè, lao xeo; - Đốt than hầm, than hoa (kể cả chất xếp củi, vận chuyển than ra) trong rừng núi.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Quần áo chống lạnh ⁽¹⁾; - Mũ chống lạnh ⁽¹⁾; - Đệm vai; - Áo mưa; - Giày đi rừng cao cổ; - Tất chống vắt; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị khi làm việc ở vùng rét.
4	Khai thác nhựa thông, nhựa trám, sơn ta, dầu	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng;	

	trái, quả có dầu.	- Áo mưa; - Giày đi rừng cao cổ; - Tất chống vắt; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
5	- Khoan hố, đào hố (thủ công, bằng máy); - Tu bổ vệ sinh rừng: trồng cây gây rừng các vùng đồi trọc ven biển và ở miền rừng núi.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Giày đi rừng cao cổ; - Tất chống vắt; - Xà phòng.	
6	Xẻ gỗ thủ công tại rừng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Áo mưa; - Giày đi rừng cao cổ; - Tất chống vắt; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
7	Mở đường để vận chuyển lâm sản từ nơi khai thác ra bến bãi đầu nguồn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Áo mưa; - Giày đi rừng cao cổ; - Tất chống vắt; - Găng tay vải bạt; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
8	Điều khiển, nuôi và chăm sóc (kể cả cắt cỏ) cho trâu, voi kéo gỗ ở vùng rừng núi.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giày đi rừng cao cổ; - Áo mưa; - Xà phòng.	
9	- Đóng cốn, xuôi bè; - Mò, vớt gỗ chìm ở sông, ngòi.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Phao cứu sinh; - Quần áo và mũ chống lạnh⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.
10	Xeo, bẫy, bóc vác, chặt, xếp gỗ củi và các lâm sản ở các bến bãi (khai thác lâm sản).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt;	

		- Áo mưa; - Giày vải bạt thấp cổ; - Tất chống vắt; - Xà phòng.	
11	Phân loại, đánh dấu, đo, đếm giao nhận gỗ, tre nứa và các lâm sản khác ở kho hoặc bãi chứa lâm sản.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng ⁽¹⁾; - Quần áo chống lạnh ⁽²⁾; - Mũ chống lạnh ⁽²⁾; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc ngoài trời. ⁽²⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng rét
12	Làm vườn ươm cây ở rừng núi.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giày đi rừng cao cổ; - Tất chống vắt; - Quần áo chống lạnh ⁽¹⁾; - Mũ chống lạnh ⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị khi làm việc ở vùng rét.
13	Kiểm lâm	- Giày đi rừng cao cổ ⁽¹⁾; - Tất chống vắt; - Mũ, nón lá chống mưa nắng ⁽¹⁾; - Quần áo lao động phổ thông ⁽¹⁾; - Bộ Quần áo chống lạnh ⁽²⁾; - Áo mưa; - Ủng cao su ⁽³⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Nếu đã trang bị đồng phục thì thôi những trang bị này. ⁽²⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. ⁽³⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
14	Phòng chống cháy rừng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày da cao cổ; - Áo mưa; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng ⁽¹⁾; - Quần áo chống nóng, chống cháy ⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để dùng trong các tình huống khẩn cấp.

VII. CHẾ BIẾN GỖ - THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	- Chuyển gỗ ở sông, hồ lên bờ (tháo bè, chọn gỗ)	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não;	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc ở

	nứa, móc cáp và điều khiển tời); - Xeo, bẩy, chọn phân loại, bốc xếp, vận chuyển gỗ ra vào kho bãi, nơi cưa xẻ, bốc xếp lên các phương tiện vận tải; - Chuyên điều khiển tời kéo gỗ.	- Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Áo phao ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	sông, hồ.
2	Xẻ gỗ ở máy cưa đĩa.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Yếm da; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
3	- Xẻ gỗ ở máy cưa vòng, cưa sọc; - Cưa gỗ ở máy cưa vuông cạnh.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
4	Xẻ gỗ thủ công.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
5	- Bốc xếp, vận chuyển các loại gỗ đã xẻ vào kho, lên xuống các phương tiện vận tải; - Thu dọn, chất xếp, vận chuyển các loại phế liệu gỗ, dọn vệ sinh ở cơ sở chế biến gỗ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Đệm vai ⁽¹⁾ ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để dùng khi cần thiết.
6	- Cắt khúc gỗ, cắt đầu mẫu gỗ ở máy cưa, ví dụ: cưa kích, cưa đu. - Đứng máy bóc, máy cắt gỗ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học;	

		- Xà phòng.	
7	- Ghép ván, phay gỗ dán, xếp và xén gỗ bằng máy; - Đứng máy chế biến gỗ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
8	- Bóc xếp gỗ ra vào bể hấp; - Đảo trộn gỗ trong bể hấp; - Hun sấy gỗ, uốn nóng gỗ, buộc tre nứa.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Đệm vai; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi làm việc trong bể hấp.
9	- Pha chế dung dịch để ngâm tẩm; - Quét, phun thuốc chống mối và mọt; - Tráng keo và dán.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Khẩu trang lọc bụi; - Yếm chống hóa chất; - Xà phòng.	
10	Đảo trộn gỗ trong bể ngâm tẩm và bóc xếp gỗ ra vào bể ngâm tẩm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay cao su; - Giày vải bạt thấp cổ; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn choàng chống nắng, nóng, bụi bẩn; - Đệm vai⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi bóc xếp.
11	- Vận hành máy ép mùn cưa, dăm bào; - Vận hành máy ép gỗ, máy sấy gỗ và vận chuyển gỗ ra vào máy.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Đệm vai⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi mang vác gỗ lớn.
12	Chọn phân loại và chất xếp gỗ dán.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt;	

		- Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
13	Phơi chải gỗ mốc.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
14	Vận hành máy đánh bóng gỗ và vận chuyển gỗ ra vào máy.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Đệm vai; - Xà phòng.	
15	Đánh bóng gỗ, đánh véc - ni thủ công.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
16	Mộc: đóng ráp mới và sửa chữa các loại tàu thuyền, xà lan, canô, toa xe lửa, thùng xe ô tô.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
17	Mộc: cầu phà, cốp pha, giàn giáo.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Đệm vai; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi làm việc trên cao. ⁽²⁾ Trang bị chung để dùng khi làm việc ở trên sông nước.
18	Mộc: đóng các loại đồ gỗ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
19	Mộc: làm mỹ nghệ, sơn mài, trạm trổ, giáo cụ trực quan, đồ chơi trẻ em.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Xà phòng.	
20	- Cắt, mài răng cưa; - Hàn nối lưỡi cưa.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Kính chống bức xạ;	

		- Xà phòng.	
21	Trông giữ bè, gỗ, tre nứa ở bên sông, hồ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Phao cứu sinh ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
22	- Đốt lò nấu cánh kiến, nhựa thông, nhựa trám, keo nấu. - Chế biến ta-nanh : băm, giã củ nâu, nhuộm nan mảnh.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải ⁽¹⁾ ; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Thay bằng mũ, nón lá chống mưa nắng cho người làm việc ngoài trời.
23	Làm đồ mỹ nghệ từ khoáng vật, xương động vật, gỗ quý.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
24	Chế tác sản phẩm mỹ nghệ từ vỏ trai, làm nhân ngọc trai.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
25	Tinh luyện vàng bạc.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
26	Sản xuất đồ mỹ nghệ vàng, bạc.	- Áo choàng vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	

VIII. NĂNG LƯỢNG - ĐIỆN

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
VIII.1. Vận hành lò hơi			
1	Vận hành các loại lò hơi nhiên liệu rắn (đốt thủ công): - Đốt lò, đánh lửa; - Sàng than qua lửa.	- Quần áo vải bạt mỏng; - Quần áo vải bạt dày ⁽¹⁾ ; - Mũ vải bạt; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày da cao cổ hoặc giày vải bạt cao cổ;	⁽¹⁾ Trang bị cho công nhân đốt lò.

		- Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Kính chống bức xạ; - Xà phòng.	
2	Vận chuyển than, xỉ ra vào nhà lò (lò đốt nhiên liệu rắn thủ công).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày da cao cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Ủng cao su; - Áo mưa; - Xà phòng.	
3	Đốt lò hơi nhiên liệu rắn (cơ khí hoá khâu vào nhiên liệu, thải xỉ).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Kính chống bức xạ; - Xà phòng.	
4	Điều khiển các loại máy, thiết bị phục vụ lò hơi đốt nhiên liệu rắn (cơ khí hóa khâu vào nguyên liệu và thải xỉ).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
5	Đốt lò hơi nhiên liệu lỏng (cơ khí hóa khâu vào nhiên liệu, thải xỉ).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày chống xăng, dầu mỡ; - Kính chống bức xạ; - Xà phòng.	
6	Điều khiển các loại máy, thiết bị phục vụ lò hơi đốt nhiên liệu lỏng (cơ khí hóa khâu vào nhiên liệu, thải xỉ).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày chống xăng, dầu mỡ; - Xà phòng.	
7	Xử lý nước cấp cho lò hơi.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
8	Kiểm nhiệt lò (nhiệt công).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	

VIII.2. Vận hành máy phát điện, trạm phân phối điện			
9	Vận hành tuốc bin các loại.	- Quần áo vải dày; - Mũ vải; - Nút tai chống ồn; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
10	Vận hành máy diesel.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Nút tai chống ồn; - Găng tay vải bạt; - Giày chống xăng, dầu mỡ; - Xà phòng.	
11	Vận hành máy phát điện.	- Quần áo vải dày; - Giày vải bạt; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cách điện⁽¹⁾; - Ủng cách điện⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽²⁾; - Áo phao⁽³⁾; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị chung để sử dụng khi làm việc trên mặt nước sâu. ⁽³⁾ Trang bị cho người làm việc trên các dàn khoan ngoài biển.
12	Quản lí, vận hành đường dây và trạm phân phối điện.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt thấp cổ; - Găng tay cách điện⁽¹⁾; - Ủng cách điện⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽²⁾; - Áo phao⁽³⁾; - Quần áo chống điện từ trường⁽⁴⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị chung để dùng khi làm việc trên mặt nước sâu. ⁽³⁾ Trang bị cho người làm việc trên các dàn khoan ngoài biển. ⁽⁴⁾ Trang bị cho người làm việc với đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp từ 220kV trở lên.
13	Các công việc tại bể lắng của nhà máy thủy	- Quần áo vải dày; - Áo mưa;	

	điện.	- Mũ chống chấn thương sọ não; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
VIII.3. Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo dưỡng thiết bị điện			
14	Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị trong trạm điện và đường dây dẫn điện trần (điện cao thế và hạ thế, điện thoại, điện báo, truyền thanh, truyền hình).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Quần áo và mũ chống lạnh⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.
15	Lắp đặt, sửa chữa đường dây cáp ngầm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
16	Treo, tháo đồng hồ điện ở các trạm và hộ tiêu thụ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Giày vải bạt thấp cổ chống trơn trượt; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
17	Thí nghiệm thiết bị điện.	- Quần áo vải dày; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cách điện⁽¹⁾; - Găng tay cách điện⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
18	Thí nghiệm dầu, thay dầu, lọc dầu, tái sinh dầu máy biến thế.	- Quần áo vải dày; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc hơi, khí độc; - Găng tay chống xăng, dầu, mỡ; - Giày vải chống dầu; - Ủng cao su chống dầu⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
19	Lắp đặt, sửa chữa các thiết bị điện cho nơi làm việc: - Xí nghiệp; - Công trường; - Mỏ lộ thiên.	- Quần áo lao động phổ thông; - Đệm vai; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Giày vải đế cao su cách điện; - Ủng cách điện⁽¹⁾; - Găng tay cách điện⁽¹⁾; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Áo mưa⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị cho người làm việc ngoài trời.

20	- Tắm sấy cách điện; - Quần, tắm sấy và sửa chữa động cơ điện, máy quạt điện, máy biến thế điện.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
21	Pha chế axit: bảo dưỡng, sửa chữa, xúc, nạp ắc qui.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su chịu a xít; - Yếm cao su chịu a xít; - Găng tay chống axit, kiềm; - Khẩu trang lọc bụi chống độc; - Mặt nạ phòng độc; - Kính chống a xít; - Xà phòng.	
22	Bảo dưỡng, sửa chữa các loại máy phát điện, nguồn điện, nguồn điều hòa trung tâm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay cách điện ⁽¹⁾ ; - Ủng cách điện ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị dùng chung.

IX. LUYỆN KIM - ĐÚC

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
IX.1. Luyện cốc			
1	Vận hành, đứng máy nghiền, sàng, băng tải cung cấp nguyên nhiên liệu cho lò luyện.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ vải bạt trùm vai hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với bùn nước.
2	- Lái xe rót than, tống, chặn, đập cốc; Vận hành băng tải than cốc; - Kỹ thuật lò cốc.	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải hoặc mũ vải bạt trùm vai hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày da thấp cổ; - Kính chống các vật văng bắn hoặc	

		Kính chống bức xạ; - Khăn mặt bông; - Áo mưa; - Xà phòng.	
3	Vận hành các thiết bị cóc hoá.	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải hoặc mũ vải bạt trùm vai hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt hoặc giày da thấp cổ; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
IX.2. Luyện - Đúc - Cán kim loại.			
4	- Vận hành máy, thiết bị đập, nghiền, sàng, trộn, tuyển rửa nguyên liệu; - Cán nguyên nhiên liệu; - Lái và điều khiển các loại máy, thiết bị nạp hoặc dỡ liệu cho lò.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải bạt trùm vai hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với bùn nước.
5	Làm sạch vật đúc.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Khăn mặt bông; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
6	Coi nước, gió nóng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ vải bạt trùm vai hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
7	Đứng máy thiêu kết, băng chuyền nóng.	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải bạt trùm vai hoặc mũ chống chấn thương sọ não;	

		- Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Kính chống bức xạ; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay da; - Giày da cao cổ; - Xà phòng.	
8	- Vận hành tại trung tâm: vận hành lò điện, lò cao để nung luyện, nấu chảy quặng, kim loại hoặc hợp kim; - Vận hành máy đúc.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày vải bạt thấp cổ; - Mũ vải hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
9	Pha trộn vật liệu làm khuôn đúc: - Sàng rửa cát, làm dung dịch đất sét pha trộn vật liệu; - Nghiền sàng than, phân chì, làm dầu bôi trơn khuôn đúc.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
10	- Làm khuôn; - Sấy khuôn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Thay bằng giày da thấp cổ chống dầu cho người làm việc tiếp xúc trực tiếp với dầu.
11	- Chuẩn bị phối liệu đúc; - Phá khuôn đúc.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
12	- Sấy thùng rót kim loại; - Đưa nguyên liệu, phụ gia vào lò; - Nấu, rót kim loại lỏng vào khuôn đúc; - Cắt phối; - Đứng điều khiển, thao tác các dòng sản phẩm kim loại nóng.	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải bạt trùm vai hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn hoặc Kính chống bức xạ; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay da; - Yếm vải bạt; - Ghệt vải bạt; - Giày da cao cổ; - Khăn mặt bông;	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		- Đệm vai⁽¹⁾; - Xà phòng.	
13	- Nấu chì hợp kim; - Đúc chữ chì.	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải; - Găng tay sợi; - Ủng cao su cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống bức xạ;; - Xà phòng.	
14	- Vận hành hoặc đứng máy, thiết bị cán thổi, cán thô, cán tinh, cưa cắt kim loại nóng. - Lái máy, thiết bị phục vụ chính cho cán.	- Quần áo vải bạt; - Giày da cao cổ⁽¹⁾; - Mũ vải bạt trùm vai hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay da; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống bức xạ; - Nút tai chống ồn; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Lái máy có thể thay bằng giày vải bạt thấp cổ.
15	Cán kim loại bằng phương pháp thủ công.	- Quần áo vải bạt; - Giày da cao cổ; - Mũ vải bạt trùm vai hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
16	Hoàn thiện sản phẩm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt hoặc giày da thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
17	Lấy mẫu, kiểm định (gia công) mẫu.	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt hoặc giày da cao cổ; - Kính chống bức xạ⁽¹⁾; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học⁽²⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để sử dụng khi lấy mẫu. ⁽²⁾ Trang bị để sử dụng khi kiểm định mẫu.
18	Xử lý, thải đồ xỉ rác.	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải bạt trùm vai hoặc mũ chống	

		chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày da cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống bức xạ; - Áo mưa; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
19	Phá, đầm tường, xây lò để luyện, nung hoặc nấu kim loại.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày vải bạt thấp cổ; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
20	Nhân viên hóa nghiệm.	- Áo choàng vải trắng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
21	Kiểm tra chất lượng sản phẩm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày vải bạt thấp cổ; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa; - Xà phòng.	

X. CƠ KHÍ

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
X.1. Gia công kim loại			
1	Gia công kim loại nguội (kể cả làm bằng máy và thủ công).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
2	Gia công kim loại (có nung nóng), kể cả làm bằng máy và thủ công.	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải bạt trùm vai; - Găng tay vải bạt; - Giày da cao cổ; - Ghệt vải bạt;	

		- Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
3	Gia công kim loại trên máy cắt gọt (trừ mài khô và gia công gang): tiện, phay, bào, mài ướt, khoan.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
4	- Gia công gang trên máy cắt gọt và mài kim loại không có lưới dung dịch (mài khô); - Tiện, phay, khoan bào gang; - Mài khô (kim loại các loại).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
5.	Gia công, hàn cắt kim loại bằng điện (hàn điện).	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay da; - Giày hoặc ủng cách điện; - Ghệt vải bạt; - Mặt nạ hàn; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
6.	Gia công hàn cắt kim loại bằng hơi kỹ thuật (hàn hơi): - Hàn đồng (hàn nóng chảy); - Hàn nhôm, crôm.	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay da; - Giày da cao cổ; - Ghệt vải bạt; - Kính hàn hơi; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
7	Tôi, ủ, thấm nhuộm, ram kim loại.	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải bạt trùm vai; - Găng tay vải bạt; - Giày hoặc ủng cách điện; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	

8	Hàn vi điện tử.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt cao cổ; - Găng tay cách điện; - Xà phòng.	
9	Hàn thiếc, chì.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Yếm da; - Giày hoặc ủng cách điện; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
10	Chế bản ăn mòn kim loại	- Quần áo lao động phổ thông - Mũ vải - Bán mặt nạ chuyên dùng; - Yếm hoặc tạp dề cao su chống axit⁽¹⁾; - Ủng chống axit, kiềm⁽¹⁾; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.
X.2. Chống ăn mòn kim loại			
11	- Làm sạch phôi bằng hóa chất; - Tẩy rỉ thiết bị và phụ tùng bằng hóa chất.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Yếm cao su chống axit; - Ủng chống axit, kiềm; - Găng tay chống axit, kiềm; - Xà phòng.	
12	- Làm sạch phôi bằng cơ học (cả máy và tay); - Đánh bóng sản phẩm sau khi mạ; - Mạ crôm, đồng kẽm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng chống axit, kiềm⁽¹⁾; - Yếm tạp dề chống axit⁽¹⁾; - Găng tay chống axit, kiềm⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi⁽²⁾; - Bán mặt nạ phòng độc⁽³⁾; - Tấm chắn chống các vật văng bắn; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm nghề, công việc mạ crôm, đồng kẽm. ⁽²⁾ Trang bị khi làm sạch phôi bằng cơ học (cả máy và tay); đánh bóng sản phẩm sau khi mạ ⁽³⁾ Trang bị khi mạ crôm, đồng kẽm.
13	Trát matit, sơn và trang trí.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Áo bảo hộ phát quang;	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		- Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Xà phòng.	
X.3. Lắp ráp - Sửa chữa - Bảo dưỡng máy, thiết bị			
14	Nguội, lắp ráp sửa chữa, bảo dưỡng các máy, thiết bị; - Máy cái; - Máy, thiết bị trong dây chuyền sản xuất; - Các máy phụ trợ sản xuất.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Mũ chống chấn thương sọ não⁽²⁾; - Xà phòng;	⁽¹⁾ Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị cho người làm việc trên công trường hoặc sửa chữa lớn.
15	Nguội, lắp ráp sửa chữa, bảo dưỡng các máy, thiết bị tinh vi: - Máy tính, máy chữ; - Máy quang học; - Máy quay phim, chiếu phim; - Máy, thiết bị đo lường kiểm tra; - Máy thông tin, tín hiệu.	- Quần áo vải trắng hoặc áo choàng trắng; - Mũ vải; - Găng tay vải sợi; - Xà phòng;	
16	Bảo dưỡng, sửa chữa các máy, thiết bị có nhiều dầu: - Máy điêzen; - Máy bơm dầu; - Các thiết bị chứa dầu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Giày chống xăng, dầu mỡ; - Khẩu trang lọc bụi chống độc; - Nút tai chống ồn; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Xà phòng.	
17	Nghiên cứu chế tạo thiết bị, máy phát tia Ronghen	- Quần áo vải dày; - Mũ vải; - Kính chống tia Ronghen, phóng xạ⁽¹⁾; - Quần áo chống tia Ronghen và phóng xạ⁽¹⁾; - Găng tay chống tia Ronghen và phóng xạ⁽¹⁾; - Yếm chống tia Ronghen và phóng xạ⁽¹⁾;	⁽¹⁾ Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.

		- Giấy hoặc ủng chống tia Ronghen và phóng xạ⁽¹⁾; - Xà phòng.	
18	Nghiên cứu, chế tạo thiết bị, máy phát ra tia cực tím.	- Quần áo vải dày; - Mũ vải; - Kính chống bức xạ; - Găng tay vải bạt hoặc vải sợi; - Giày da cao cổ; - Xà phòng.	
19	Nghiên cứu, chế tạo thiết bị siêu cao tần.	- Quần áo lao động phổ thông; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Quần áo chống điện từ trường⁽¹⁾; - Găng tay chống điện từ trường⁽¹⁾; - Giày chống tĩnh điện; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.

XI. TRỒNG TRỌT - CHĂN NUÔI - THÚ Y

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
XI.1. Trồng - Thu hoạch cây lương thực, cây công nghiệp			
1	Trồng, chăm sóc cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp (trừ một số cây đã được nêu chức danh cụ thể).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
2	- Cày, bừa, trồng, chăm sóc, thu hoạch lúa ở ruộng nước; - Trồng, chăm sóc, thu hoạch cói; - Sản xuất bèo dậu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Xà cạp; - Xà phòng.	
3	Trồng, chăm sóc, thu hoạch cam, chanh.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Bao canh tay; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để sử dụng khi cần thiết.
4	Trồng, chăm sóc, thu hoạch dừa.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Bao canh tay; - Xà cạp; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn	⁽¹⁾ Trang bị để sử dụng khi cần thiết.

		trượt; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Yếm chống ướt, bẩn; - Kính hoặc lưới sắt che mặt; - Xà phòng.	
5	Trồng, chăm sóc, thu hoạch sả.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giấy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để sử dụng khi cần thiết.
6	Trồng, chăm sóc, thu hoạch mủ sơn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giấy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
7	Ươm cây cao su giống.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giấy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng; - Áo mưa; - Xà phòng.	
8	- Trồng, chăm sóc cây cao su; - Cạo mủ cao su.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giấy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su; - Tất chống vắt; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng; - Áo mưa; - Xà phòng.	
9	Đánh đông tủ kem.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải trắng cao su bao tóc; - Ủng cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
10	Cán ép mủ cao su.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải trắng cao su bao tóc; - Ủng cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
11	- Bới, bóc chọn mủ cao	- Quần áo lao động phổ thông;	

	su tạp; - Đứng máy cắt mũ, đưa tấm mũ lên giàn phơi.	- Mũ vải trắng cao su bao tóc; - Ủng cao su; - Găng tay cao su dày, dài - Khẩu trang lọc bụi; - Áo vải nhựa cộc tay; - Xà phòng.	
12	- Làm mũ kem; - Tháo rửa máy li tâm; - Cọ rửa bồn chứa mũ kem.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải trắng cao su bao tóc; - Dép nhựa có quai hậu; - Dây an toàn chống ngã cao ⁽¹⁾ ; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
13	Sấy, hấp, đóng kiện mũ cao su.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Đệm vai; - Xà phòng.	
14	Kiểm tra chất lượng cao su.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
15	Hái chè.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
16	Đứng máy cán bông.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
17	Chế biến phân chuồng, phân bắc, phân xanh.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Ủng cao su; - Găng tay cao su dày; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
18	Rải vôi trên cánh đồng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ; - Ủng cao su;	

		- Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
19	Làm vườn ươm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt cao cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để sử dụng khi cần thiết.
20	Kiểm định dư lượng hoá chất trong lương thực, thực phẩm.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Xà phòng.	
21	- Khử trùng (sát trùng, cảnh giới hơi độc sau khi sát trùng trên tàu); - Kiểm dịch.	- Quần áo lao động phổ thông⁽¹⁾; - Mũ vải⁽¹⁾; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay cao su; - Giày vải bạt chống trơn trượt⁽¹⁾; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Phao cứu sinh⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Nếu đã trang bị đồng phục thì thôi. ⁽²⁾ Trang bị khi làm việc trên mặt nước.
22	Pha chế, phun thuốc trừ sâu, trừ cỏ dại, mối mọt.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Găng tay cao su dày, dài; - Đệm lưng vải bạt; - Yếm hoặc tạp dề chống trơn trượt; - Xà phòng.	
23	Giặt, khâu vá các loại bao đựng thuốc trừ sâu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Găng tay cao su dày⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị khi giặt.
24	Bán hàng lương thực.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
25	Bảo quản lương thực ở các kho trạm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay cao su⁽¹⁾; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾;	⁽¹⁾ Trang bị cho các kho lớn khi cần phun thuốc sát trùng.

		- Xà phòng.	
26	Đào mương, vác đất, đắp bờ qui hoạch đồng ruộng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Đệm vai; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
27	Phát rừng khai hoang.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Tất chống vắt; - Áo mưa; - Xà phòng.	
28	Thu mua các loại giống cây trồng.	- Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
29	Nghiên cứu, thí nghiệm công nghệ gen và tế bào các loại cây trồng.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Dép nhựa có quai hậu; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
30	Thanh tra chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật	- Mũ vải; - Găng tay cao su mỏng; - Mặt nạ phòng độc chuyên dụng; - Kính bảo hộ lao động; - Ủng cao su; - Áo choàng; - Xà phòng.	
XI.2. Chăn nuôi			
31	Chăn nuôi vịt đàn, kiêm quét dọn chuồng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi chống bụi bẩn; - Áo mưa; - Xà phòng.	
32	Chuyên ấp vịt.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi;	

		- Xà phòng.	
33	Nuôi lợn, gà, thỏ, chuột, kiêm quét dọn chuồng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
34	Nuôi gà ấp, chọn gà ở các trại gà giống.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
35	Chăn nuôi lợn nái, lợn con, đỡ đẻ cho lợn, thụ tinh nhân tạo.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
36	Chuyên lấy bèo, rau ở các ao hồ để cho lợn ăn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Xà cạp; - Áo mưa; - Xà phòng.	
37	Thu hái thức ăn cho gia súc.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Ủng cao su; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Xà phòng.	
38	Chăn dắt, áp tải gia súc từ miền núi về đồng bằng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Tắt chống vắt ⁽¹⁾ ; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để dùng khi đi lại ở vùng rừng núi.
39	Chăn nuôi trâu, bò, ngựa, dê cừu, kiêm quét dọn chuồng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Ủng cao su; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi;	

		- Áo mưa; - Xà phòng.	
40	Vận động, chải khô cho trâu, bò, ngựa đực giống.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
41	Vắt sữa, trâu, bò dê.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su mỏng; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
42	Sản xuất tinh đông khô.	- Áo quần vải trắng; - Mũ vải trắng; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
43	Chế biến, thái nghiền thức ăn cho gia súc, gia cầm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Xà phòng.	
44	Chăn nuôi tằm, chọn phân loại kén tằm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
45	Sấy kén tằm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Dép nhựa có quai hậu; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
46	- Chế biến nhộng tằm; - Sản xuất và xử lý trứng tằm giống, bắt ngài cho đẻ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
47	Guồng tơ, ươm tơ bằng máy thủ công.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Xà phòng.	

48	Nuôi ong.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Lưới sắt che mặt; - Áo mưa; - Xà phòng.	
49	Chế biến sản phẩm ong.	- Áo choàng vải; - Mũ vải trắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
XI.3 - Thú y			
50	Chữa bệnh cho gia súc: - Xét nghiệm chống dịch cho gia súc; - Giải phẫu xác súc vật chết.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay cao su mỏng⁽¹⁾; - Găng tay cao su chuyên dùng⁽²⁾; - Quần áo bảo hộ lao động có yếm⁽²⁾; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho chữa bệnh gia súc. ⁽²⁾ Dùng cho cán bộ thú y tham gia dập các loại dịch gia súc, gia cầm.
51	Nuôi cấy vi trùng, siêu vi trùng, kiểm nghiệm thuốc thú y, sản xuất các loại vắc xin, huyết thanh.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay cao su; - Dép nhựa có quai hậu; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
52	Sản xuất keo phèn làm thuốc thú y.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Yếm cao su; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	
53	Sản xuất pha chế các loại thuốc thú y.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giày vải bạt; - Găng tay cao su;	

		- Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
54	Thái lọc thịt, phủ tạng động vật để chế thuốc.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Quần áo và mũ chống lạnh ⁽¹⁾; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Cấp cho người làm việc ở phòng lạnh.
55	Phân tích hóa lý, điều tra côn trùng, tìm tiêu bản.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
56	Vận hành lò hấp thuốc thú y.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Dép nhựa có quai hậu; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
57	Rửa chai lọ, các loại ống nghiệm chứa vi trùng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay cao su; - Yếm cao su; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	

XII. THỦY SẢN

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
XII.1. Nuôi trồng			
1	Qui hoạch bảo vệ thủy sản.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Ủng cao su; - Áo mưa; - Quần áo và mũ chống lạnh ⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng khí hậu rét.

2	Thu gom nguyên liệu để sản xuất HCG.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su mỏng; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Giày vải bạt thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo mưa; - Xà phòng.	
3	Sản xuất HCG.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải; - Tạp dề chống axít, kiềm. - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
4	Nuôi trồng, chăm sóc thủy sản, kể cả việc chế biến thức ăn cho thủy sản.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Ủng cao su; - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Xà cạo liền tất vải dày nhiều lớp ở lòng bàn chân; - Phao cứu sinh; - Áo mưa; - Xà phòng.	

XII.2. Khai thác, đánh bắt - Chế biến

5	Khai thác tổ yến, bảo vệ khu vực khai thác tổ yến.	- Quần áo vải bạt có đệm khuỷu gối; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ghệt vải bạt; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Áo mưa; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
6	Xử lý, chế biến, bảo quản tổ yến.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
7	- Đánh bắt thủy sản; - Thu mua hải sản trên biển.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Ủng cao su; - Giày da thấp cổ chống dầu; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay cao su;	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.

		- Áo mưa; - Phao cứu sinh; - Bộ quần áo thợ lặn⁽¹⁾; - Bình dưỡng khí⁽¹⁾; - Quần áo và mũ chống lạnh⁽²⁾; - Tất chống rét⁽²⁾; - Xà phòng.	
8	Thợ máy tàu đánh bắt, thu mua thủy sản.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Quần áo và mũ chống lạnh⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị theo vùng có rét. ⁽²⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
9	Chọn và phân loại thủy sản.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ bao tóc; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
10	Chế biến, bao gói, bốc xếp các loại thủy sản dưới hầm lạnh, trong buồng lạnh trên các tàu biển hoặc trong các xí nghiệp chế biến.	- Quần áo lao động phổ thông; - Quần áo lót đông xuân; - Quần áo chống lạnh; - Khăn quàng chống rét; - Mũ chống lạnh; - Ủng cao su; - Tất chống rét; - Găng tay cao su; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Đệm vai⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Chỉ trang bị cho người bốc xếp.
11	- Sản xuất Aga, Algenat, Chitin; - Chitosan, Gatetin, làm thức ăn cho gia súc và gia cầm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
12	Sản xuất viên nang, dầu gan cá.	- Áo quần vải trắng; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
13	Chế biến thủy sản đông lạnh, làm thực phẩm ăn	- Áo quần vải trắng dày; - Quần áo lót đông xuân;	⁽¹⁾ Không dùng ủng màu đen.

	liền, mực cán mảnh.	- Mũ bao tóc; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Tất chống rét; - Găng tay cao su mỏng; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
XII.3. Sản xuất lưới, phao			
14	- Phun nước căng hấp lưới; - Ráp lưới, phơi lưới; - Sản xuất phao, đệm xốp.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải⁽¹⁾; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Làm việc ngoài trời, trang bị mũ, nón lá chống mưa nắng.
15	- Dệt lưới; - Nhân viên kho lưới.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	

XIII. CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
XIII.1. Sản xuất đường			
1	Tẩy màu, hòa tan, nước cất.	- Áo quần vải trắng; - Mũ vải trắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
2	Kết tinh, ly tâm, nghiền, sấy, đóng bao.	- Áo quần vải trắng; - Mũ vải trắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
3	Vận hành các loại máy bơm trong sản xuất đường.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
4	Ngâm vớt và phơi mầm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
5	Thái bã mía.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi;	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị cho người làm việc

		- Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Áo mưa⁽²⁾; - Xà phòng.	ngoài trời.
6	Hòa sữa vôi.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
7	Đốt lưu huỳnh	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	
8	Làm vệ sinh đáy máng (đáy băng chuyền ở phân xưởng ép và máng cào mía).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
9	- Hồi dung; - Sàng chuyển tiếp.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
10	- Sàng chọn hạt; - Đóng và khâu bao đường thành phẩm.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
11	- Ép lọc (lọc ép, lọc túi); - Giặt, vá túi ép lọc; - Phân tách mật (máy li tâm); - Gia nhiệt, bảo sung, bàn cân, bốc hơi, nấu đường, trợ tinh.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải⁽¹⁾; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Làm việc ngoài trời được trang bị mũ, nón lá chống mưa nắng.
12	- Vận hành và sửa chữa máy cào mía; - Vận hành và sửa chữa máy ép lọc mía và dây chuyền trung gian.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
13	Khuân vác mía vào	- Quần áo lao động phổ thông;	⁽¹⁾ Chỉ trang bị

	máy cán ép, phơi bã mía.	- Mũ hoặc nón chống nắng mưa; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Đệm vai⁽¹⁾; - Ủng cao su; - Xà phòng.	cho người khuôn vác mía.
14	Vận hành ép mía thủ công.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ hoặc nón chống nắng mưa; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Đệm vai⁽¹⁾; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
15	Nấu nướng đồ khuôn thủ công.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Giày vải bạt thấp cổ; - Đệm vai⁽¹⁾; - Xà phòng.	
XIII.2. Sản xuất rượu, bia, nước giải khát			
16	Sản xuất nước uống tinh khiết.	- Quần áo vải trắng hoặc áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Găng tay cao su; - Giày cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
17	Vận hành nồi nấu cơm máy kiêm việc chuyển đồ nguyên vật liệu vào nồi nấu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính chống axit⁽¹⁾; - Găng tay chống axit, kiềm⁽¹⁾; - Yếm cao su chống axit⁽¹⁾; - Ủng cao su; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi tiếp xúc trực tiếp với axit.
18	Bơm bã rượu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
19	- Vận hành máy dập nút, chữa nút chai; - Đóng và chữa kết, thùng đựng bia, rượu, nước ngọt.	- Quần yếm; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
20	Làm giấy bọc bia.	- Áo quần vải trắng;	

		- Mũ vải; - Ủng cao su; - Găng tay cao su mỏng; - Xà phòng.	
21	Cắt mằm làm bia.	- Áo choàng vải; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
22	Dán nhãn, bao gói kẻ chữ.	- Áo choàng vải; - Xà phòng.	
23	Làm việc trong buồng men giống, hầm men bia, buồng ép lọc nén.	- Áo vải trắng dày; - Quần vải; - Quần áo chống lạnh; - Mũ chống lạnh; - Ủng cao su; - Tất chống rét (dài); - Xà phòng.	
24	- Chiết bia hơi; - Chiết rượu, bia, nước ngọt vào chai lấy men bia, hòa CO₂, lược chai, dán nhãn (theo dây chuyền máy chiết bia), bóc chai ở bàn tròn; - Vận hành máng lọc nhiệt độ (buồng đông).	- Áo vải trắng; - Quần vải; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
25	- Chuyển đồ nguyên vật liệu vào máy nghiền và vận hành máy nghiền nguyên liệu làm rượu bia, nước chầm, nước đường; - Làm việc trong buồng sấy thóc (sấy thóc, đảo thóc, xúc và vận chuyển thóc ra vào buồng sấy).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
26	- Rửa chai bằng máy và thủ công, soi chai (chai không và chai có rượu, bia, nước ngọt); - Chọn chai, xếp chai.	- Quần áo lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người rửa chai thủ công.
27	- Nấu bia: - Đường hóa, lên men rượu; - Chưng cất cồn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt⁽¹⁾; - Ủng cao su; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để dùng khi vận van nóng.
28	Sản xuất mồi làm	- Quần áo lao động phổ thông;	

	ruợu.	- Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
29	Nấu đường : - Cắt este cam; - Cắt dầu chuối; - Rửa bể ruợu;	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Găng tay cao su; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi tiếp xúc với axit, xút dầu Fuzet.
30	Vệ sinh thùng ủ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng.	
XIII.3. Sản xuất bánh kẹo, đường nha (đường nước), kem			
31	- Hòa tan và nấu đường; - Vận chuyển, đóng gói và rửa thùng đựng đường nha.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giấy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
32	Nấu kẹo và làm nguội kẹo (làm thủ công).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Giấy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
33	- Đứng máy trộn nguyên liệu làm bánh kẹo; - Đứng máy đánh trứng làm bánh ga tô.	- Áo vải trắng; - Quần vải; - Mũ vải; - Giấy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
34	- Pha chế nguyên liệu làm bánh kẹo; - Đứng máy cán, cắt, dập hình các loại bánh kẹo.	- Áo quần vải trắng; - Mũ vải; - Giấy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
35	Cán, cắt, dập hình các loại bánh kẹo bằng phương pháp thủ công.	- Áo quần vải trắng; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay sợi trắng;	

		- Giấy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
36	Xử lý bột, ép lọc tẩy màu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
37	Hòa bột, đường hóa, trung hòa bốc hơi.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giấy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Găng tay chống axít, kiềm; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
38	- Nướng bánh và điều chỉnh bánh ở khay, xử lý khay nướng, thu bánh đã nướng (theo dây chuyền); - Gói và đóng gói bánh kẹo; - Bóc xếp, vận chuyển, bảo quản bánh kẹo trong phân xưởng, xí nghiệp.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giấy vải bạt thấp cổ hoặc dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
39	Làm kem: - Pha chế nước đường và nguyên liệu đổ vào khuôn; - Điều khiển máy.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc tiếp xúc trực tiếp với nước.
XIII.4. Sản xuất bánh mỳ, mỳ, miến, đậu phụ			
40	- Phối trộn bột: đổ bột, vận hành máy trộn, nhào, rây bột; - Đứng máy cán, vê, tu nờ, khía bánh; - Nướng bánh (thủ công và cơ giới), chuyển bánh vào kho; - Làm việc ở máy cán, cắt, hấp mỳ sợi, mỳ ăn liền; - Sửa khuôn mỳ, đốt lò chao dầu, nấu sa tế; - Làm việc ở máy nghiền đậu, phun sấy và lấy bột đậu;	- Áo vải trắng; - Quần vải dày; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giấy vải bạt thấp cổ hoặc dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	

	- Hòa nấu, cô đặc, ly tâm, bơm cao áp, bảo ôn hòa nhuễn.		
41	- Đóng gói, bốc xếp (ở khâu đóng gói) các loại mỳ sợi, mỳ thanh, mỳ ăn liền, miến; - Pha chế, đóng gói bột nêm; - Bao gói bột.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ hoặc dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
42	Sàng chọn và rửa hạt đậu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để dùng khi tiếp xúc trực tiếp với nước.
43	- Làm miến: ngâm, xay, sàng, lọc, lắng ly tâm, nhào bột kéo sợi, ngâm tẩy, vò toí miến, vận chuyển miến ra vào buồng làm lạnh; - Sản xuất đậu phụ.	- Áo vải trắng; - Quần vải dày; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Tạt dẻ hoặc yếm chống ướt, bản ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để dùng khi tiếp xúc trực tiếp với nước.
44	Sản xuất các loại bột sắn, dong riềng, khoai lang.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ bao tóc; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Tạt dẻ hoặc yếm chống ướt, bản ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc tiếp xúc trực tiếp với nước.
45	Ra vào lò sấy (đẩy goòng mỳ sợi, mỳ thanh, miến)	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
XIII.5. Xay sát gạo, mỳ			
46	- Vận hành máy xay, sát, cân sàng và đóng bao nông sản; - Vận hành máy vận thăng, chân bù đãi, lấy tấm, cám, trấu; - Làm việc ở máy xay nhỏ như: sàng, sấy, cân, đóng bao, vận chuyển, chát xếp thóc, gạo tấm, cám, trấu. - Sản xuất thức ăn chăn	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	

	nuôi.		
47	Rửa lúa mì (rửa lúa ở máy rửa).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
48	Vận hành máy chế biến bột mì (máy sàng tạp chất, bóc vỏ, bù đãi, nghiền sàng, đóng bao).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
XIII.6. Chế biến dầu lạc, dầu quả cây, dầu cám, dầu sả ...			
49	Vận chuyển, làm tróc vỏ và nghiền nguyên liệu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
50	- Cân, chum, gói dầu (trừ gói dầu cám) và ép dầu; - Tinh luyện các loại dầu (trừ dầu xả): nấu, lọc.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Găng tay cao su⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
51	Gói dầu cám.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày da cao cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Găng tay cao su⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết
52	Tinh luyện dầu xả.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
XIII.7. Sản xuất mì chính			
53	Công việc tách keo (hòa giải).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
54	Phân giải, ép lọc, cô đặc, trung hòa lần 1 (hòa giải);	- Quần áo chống axit, kiềm và hoá chất; - Mũ vải; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên	

		dùng; - Ủng chống axit, kiềm; - Xà phòng.	
55	Hút lọc ly tâm (hoà giải) tiếp xúc với nước có axit và hơi axit.	- Quần áo chống axit, kiềm và hoá chất; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay chống axit, kiềm; - Ủng chống axit, kiềm; - Xà phòng.	
56	- Hòa bột, đường hóa lên men, trung hòa, ép lọc, cô đặc, ly tâm (lên men mì chính); - Trung hòa, ép lọc, tẩy màu, cô đặc, ly tâm (giai đoạn tinh chế của mì chính hòa giải).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Găng tay cao su; - Găng tay vải bạt; - Giấy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để dùng khi cần thiết.
57	Nghiền, sấy, đóng gói mì chính.	- Áo quần vải trắng; - Mũ vải; - Dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
58	Lấy bột và trở bột ướt.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
XIII.8. Sản xuất nước chấm			
59	Sản xuất men, mốc để làm nước chấm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
60	Phân giải hóa lọc.	- Quần áo chống axit, kiềm; - Mũ vải; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Găng tay chống axit, kiềm; - Ủng chống axit, kiềm; - Kính chống axit; - Xà phòng.	
61	Ly tâm và trung hòa (máy ly tâm).	- Quần áo chống axit, kiềm; - Mũ vải; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng;	

		- Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Ủng chống axit, kiềm; - Xà phòng.	
62	Làm việc ở bể nước chầm (xì dầu, nước mắm).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ bao tóc; - Găng tay; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
XIII.9. Chế biến chè			
63	- Bóc dỡ, đảo, rũ chè tươi; - Gói chè, xếp chè vào bồ; - Bóc vác, vận chuyển chè⁽¹⁾.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ hoặc dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị thêm Găng tay vải bạt, giày vải bạt thấp cổ.
64	- Hấp héo chè, vò chè (máy và thủ công), ủ men (máy sàng bằng); - Sao sấy chè (máy vò thủ công); - Sàng phân loại chè, trộn chè.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ hoặc dép nhựa có quai hậu; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người sàng phân loại chè.
XIII.10. Chế biến cà phê			
65	Chọn cà phê.	- Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
66	Xát cà phê tươi, ngâm đãi vỏ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
67	Xát cà phê khô.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
68	Chế biến cà phê tan.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
XIII.11. Chế biến hạt điều			
69	Vận hành máy sàng	- Quần áo lao động phổ thông;	

	phân loại, chao đầu và tách vỏ hạt điều.	- Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
70	Chọn phân loại hạt điều thành phẩm.	- Áo quần vải trắng; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
XIII.12. Chế biến nguyên liệu thuốc lá và sản xuất thuốc điều			
71	- Phân loại lá thuốc, tước lá, xé lá, phối chế thuốc (đầu dây chuyền), may vá bao bố; - Kiểm tra chất lượng nguyên liệu thuốc lá trên dây chuyền chế biến; - Vận hành máy đóng bao, bóng kính bao, đóng nút, bóng kín nút, đóng thùng carton, đóng gói thủ công.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày bít đầu, đế nhựa, chống trượt hoặc dép nhựa có quai hậu; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
72	- Vận chuyển, xếp dỡ nguyên liệu thuốc lá; - Thu gom, xử lý bụi, mảnh vụn thuốc lá; - Vận hành máy sấy lại, ra thuốc ở đầu và cuối máy sấy lại; - Đóng kiện thuốc, sấy điều thuốc.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giày bít đầu, đế nhựa, chống trượt hoặc dép nhựa có quai hậu; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
73	- Xử lý thuốc lá mốc; - Đứng máy hấp lá.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Giày bít đầu, đế nhựa, chống trượt hoặc dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
74	Vận hành lò men, lò sấy thuốc lá.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày bít đầu, đế nhựa, chống trượt hoặc dép nhựa có quai hậu; - Nút tai chống ồn;	

		- Xà phòng.	
75	Chuyển thuốc ra vào lò men, lò sấy điện.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
76	Pha chế và vận chuyển hương liệu.	- Áo choàng vải xanh; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Dép nhựa có quai hậu; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
77	- Vận hành và làm việc tại máy đập cuống, máy nhuyển, máy thái sợi, máy cuốn điều, xe điều, máy sàng vụn phân ly, sàng thuốc vụn, thùng tải.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giày bít đầu, đế nhựa, chống trượt hoặc dép nhựa có quai hậu; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
78	Can giấy, dán túi ni lông, phụ máy xén giấy.	- Yếm choàng vải xanh; - Mũ vải; - Giày bít đầu, đế nhựa, chống trượt hoặc dép nhựa có quai hậu; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
79	- Đốt (chum) lò sấy nguyên liệu thuốc lá; - Vận hành nồi hơi (dầu, than đá); - Đốt lò hơi bằng than đá (xúc than vào lò, hốt xỉ than khỏi lò).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Kính chống bức xạ; - Xà phòng.	
XIII.13. Sản xuất muối ăn			
80	Lấy nước chạt, phi, cào, xúc và vận chuyển muối.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Ủng cao su; - Áo mưa; - Xà phòng.	
81	Xây dựng đồng muối (đào đắp mương, làm ô nê, tu sửa bờ ruộng muối).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Áo mưa; - Xà phòng.	
82	Nấu muối, sản xuất	- Quần áo lao động phổ thông;	

	nước ớt.	- Mũ vải; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
83	Sản xuất bột canh (ví dụ: rang muối, trộn)	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Tấm ni lông che người; - Xà phòng.	
XIII.14. Chế biến sữa, thực phẩm tươi			
84	Vắt sữa trâu, bò, dê.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su mỏng; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
85	- Chế biến sữa trâu, bò, dê; - Kiểm nghiệm sữa.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Găng tay cao su mỏng; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
86	Chế biến thực phẩm tươi sống (từ khâu chế biến đến khâu vệ sinh trong phân xưởng chế biến).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Đai lưng gài dụng cụ giết mổ gia súc, gia cầm; - Ủng cao su; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa; - Xà phòng.	
87	Dán nhãn, bao gói sản phẩm sau chế biến.	- Quần áo vải trắng hoặc áo choàng vải trắng; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
88	Đóng kiện và vận chuyển trong xí nghiệp.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
89	Kiểm tra chất lượng sản phẩm tươi sống.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	

90	Cắt, dập, ghép mí, hàn, sơn, sấy hộp sắt.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
91	Thử kín hộp sắt.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Găng tay cao su; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
92	Làm việc trong các buồng lạnh dưới 5 ⁰ C.	- Quần áo và mũ chống lạnh; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Tất chống rét; - Xà phòng.	
93	Vận hành, sửa chữa máy lạnh và hệ thống lạnh.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	

XIV. CHẾ BIẾN DA - LÔNG VŨ

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Chuẩn bị thuộc da, xẻ da, nạo da, lột da, pha chế hóa chất để thuộc da, muối da tươi.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Găng tay cao su dày; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
2	Hoàn thành thuộc da, pha cắt da, chế biến đồ da.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
3	Chế biến lông vũ: - Vận hành máy phân loại lông, khử bụi; - Thủ kho xuất nhập; - Kiểm nghiệm lông vũ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống	

	chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
--	------------------------------------	--

XV. DỆT – MAY

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	- Điều khiển các loại máy dệt vải, chần, len, đay, dệt kim, thảm; - Điều khiển các loại máy lờ, suốt, kiểm vải, gấp vải, go nối kéo sợi, ghép sợi, sợi thô, ống, đầu xa, guồng, cung chải.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ bao tóc; - Yếm vải có túi; - Khẩu trang lọc bụi; - Dép nhựa có quai hậu hoặc giày vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
2	- Điều khiển các loại máy hồ, mài kim, máy chải; - Bắc ống, đổ sợi, nối gờ, mắc sợi, đổ vải, chế đầu, lau máy, sản xuất suốt ra, sửa go khổ lamén, phá kiện bông.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ bao tóc; - Găng tay vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
3	Tẩy vải, giặt vải, nhuộm vải, in hoa vải, làm bóng vải, sản xuất nước gia ven, lấy bông hầu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su dày; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
4	Đóng hòm, mở hòm, phá kiện vải.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
5	Xếp vải, cắt vải, là quần áo, điều khiển máy may, máy thừa khuyết, đính cúc, vắt sổ.	- Mũ vải; - Quần áo lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải mỏng đi trong nhà; - Xà phòng.	
6	Tẩy, giặt vải, phơi vải, phơi quần áo.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt; - Găng tay cao su dày; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
7	Vận hành máy đập,	- Quần áo lao động phổ thông;	⁽¹⁾ Trang bị chung

	tước, cắt vỏ dừa.	- Mũ vải hoặc mũ bao tóc - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Bịt tai chống ồn; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Xà phòng;	đủ để dùng khi cần thiết.
8	Vận hành máy ép kiện chỉ xơ dừa.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ bao tóc; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng;	
9	- Phơi chỉ xơ dừa; - Sàng, xúc phơi mụn dừa.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

XVI. GIÀY DÉP

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Pha cắt da, điều khiển máy rẩy da.	- Mũ bao tóc; - Quần áo lao động phổ thông; - Giày vải bạt thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
2	May mu giày, đột dập ô rê.	- Mũ bao tóc; - Quần áo lao động phổ thông; - Bịt tai chống ồn; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
3	Gò ráp, khâu đế, mài đế, đánh bóng giày.	- Mũ bao tóc; - Quần áo lao động phổ thông; - Giày vải bạt thấp cổ;	

		- Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
4	- Bôi vôi, khuấy keo; - Điều khiển máy gò, ép, dán, quét keo.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ bao tóc; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
5	Điều khiển máy sấy, hấp, lưu hóa, in nhãn, mác giấy hoặc ủng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ bao tóc; - Găng tay vải bạt; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	

XVII. SẢN XUẤT HÓA CHẤT

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
XVII.1. Hóa chất cơ bản			
1	- Trộn nguyên liệu sản xuất phèn; - Làm ở lò cô phèn đơn.	- Quần áo chống axit, kiềm; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính chống các vật văng bắn; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Ủng chống axit, kiềm; - Xà phòng.	
2	Làm ở lò phản xạ phèn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng chống axit, kiềm; - Kính chống bức xạ; - Xà phòng.	
3	Hòa tan dung dịch phèn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Ủng chống axit, kiềm; - Xà phòng.	
4	Sản xuất Natri Silicat.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính chống các vật văng bắn; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi;	

		- Xà phòng.	
5	Sản xuất bột nhẹ (Canxi-cacbonnat).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi⁽¹⁾; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Găng tay vải bạt⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Dùng khi tôi vôi tháp sục, li tâm.
6	Tuyển nổi Garaphit.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày đế da; - Khẩu trang lọc bụi; - Tạp dề hoặc yếm ướt, bản; - Xà phòng.	
7	Khử sắt graphit.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Kính chống các vật văng bắn; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
8	Sản xuất hóa chất tinh khiết.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bản; - Xà phòng.	
9	- Cô đặc xút; - Trung hòa, điều chế, hòa tan muối; - Sản xuất Hyđrôxít nhôm - $Al(OH)_3$.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ - Ủng cao su⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
10	Vận hành điện giải Clorua natri - NaCl.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay chống hóa chất; - Áo mưa bạt ngắn; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Kính chống các vật văng bắn; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
11	Sản xuất Natri sunphit	- Quần áo lao động phổ thông;	

	- Na_2SO_3 .	- Mũ vải; - Găng tay cao su; - Giấy vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
12	Sản xuất Hydrô - H_2 (để tổng hợp axit Clohydric - HCl).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính chống các vật văng bắn; - Áo mưa bạt ngắn; - Mặt nạ phòng độc; - Găng tay vải bạt; - Giấy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
13	Sản xuất axit Nitric - HNO_3 .	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay chống axit, kiềm; - Giấy vải bạt cao cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống axit; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
14	Đóng bình axit các loại, vận hành kho axit.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Áo mưa bạt ngắn; - Găng tay chống axit, kiềm - Ủng chống axit, kiềm; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt; - Kính chống axit; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
15	- Sấy khí Clo - Cl_2; - Đóng bình Clo lỏng; - Hợp thành axit Clohydric - HCl; - Xử lí Clo thừa.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giấy da cao cổ; - Ủng cao su; - Kính chống axit; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để dùng chung.
16	Làm lạnh Hydrô - H_2 trong sản xuất Clo xút.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giấy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
17	- Rửa SO_2; - Tiếp xúc trong sản xuất	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não;	⁽¹⁾ Trang bị để dùng chung.

	axít Sunphuric - H_2SO_4 ; - Sấy, hấp thụ axít Sunphuric - H_2SO_4 ; - Pha trộn lưu huỳnh sản xuất axít Sunphuric - H_2SO_4 .	- Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	
18	Vận hành lò BKZ, cân quặng Pirít, thải xỉ Pirít.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị đồ dùng chung.
19	Sản xuất Selen.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay chống axít, kiềm; - Giày vải bạt cao cổ; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị đồ dùng chung.
20	Bảo dưỡng, lắp đặt thùng điện phân.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày vải; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su cách điện; - Mặt nạ phòng độc ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị dùng chung khi cần thiết.
21	Vận hành thiết bị lạnh trong sản xuất hóa chất.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày vải; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su cách điện; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị dùng chung khi cần thiết.
22	Kiểm tra chất lượng các loại sản phẩm trong ngành hóa chất.	- Quần áo vải trắng; - Giày vải; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải; - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính bảo hộ lao động; - Xà phòng.	
23	Sản xuất Kẽm clorua, Canxi clorua, PAC.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải; - Găng tay cao su;	

		- Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Xà phòng.	
24	Bốc xếp, vận chuyển hóa chất.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Đệm vai; - Xà phòng.	
25	Bốc xếp chai, bình chứa khí, khí hóa lỏng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính chống các vật văng bắn; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Xà phòng.	
26	Lái xe, phụ xe vận chuyển khí hóa lỏng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Áo mưa bộ; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính chống các vật văng bắn; - Găng tay vải bạt; - Giày da thấp cổ chống trơn trượt; - Xà phòng.	
27	Sản xuất vôi công nghiệp.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính chống các vật văng bắn; - Găng tay vải bạt; - Giày da chống trơn trượt; - Xà phòng.	
28	Nấu hồ điện cực.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính chống các vật văng bắn; - Găng tay vải bạt; - Giày da chống trơn trượt; - Xà phòng.	
29	Vệ sinh công nghiệp trong các nhà máy sản xuất hóa chất.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su chống dầu⁽¹⁾; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ - Kính chống các vật văng bắn⁽¹⁾; - Xà phòng	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
30	Làm việc ở các phòng	- Áo choàng vải trắng;	⁽¹⁾ Trang bị chung

	thí nghiệm, xét nghiệm, kiểm nghiệm hàng hóa tiếp xúc với các loại hóa chất.	- Mũ vải trắng; - Găng tay cao su; - Kính chống các vật văng bắn chống hóa chất dạng lỏng văng vào mắt; - Khẩu trang lọc bụi phòng độc; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bắn⁽¹⁾; - Găng tay chống axit, kiềm⁽¹⁾; - Xà phòng.	để dùng khi tiếp xúc nhiều với nước, ướt bắn, axit.
31	Lọc bụi điện.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
32	Sản xuất và đóng thùng, bảo quản, lưu trữ phốt pho vàng	- Quần áo lao động phổ thông; - Quần áo da⁽¹⁾; - Kính chống vật văng bắn; - Găng tay cao su; - Găng tay da⁽¹⁾; - Bán mặt nạ phòng độc; - Ủng cao su; - Giày da⁽¹⁾; - Quần áo chống cháy⁽¹⁾; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Mũ chống chấn thương sọ não⁽¹⁾; - Mũ bao tóc; - Bình dưỡng khí⁽¹⁾.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
XVII.2. Phân bón			
33	- Cân đong vào liệu, tời nạp liệu lò cao phân lân nung chảy; - Điều khiển máy gập, gầu nâng vít tải phân lân; - Điều khiển máy dỡ quặng xuống toa.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
34	Ra liệu lò cao phân lân nung chảy.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày da cao cổ hoặc giày vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị dùng chung, để sử dụng khi cần thiết
35	- Vận hành máy vớt phân lân nung chảy; - Khử Flo phân lân	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt;	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

	nung chảy.	- Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
36	Điều khiển máy quạt gió.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
37	Sản xuất phân lân vi sinh.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
38	- Phối liệu các loại phân bón hữu cơ, vô cơ; - Trộn vôi viên phân lân nung chảy.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
39	Vận hành lò khí than: - Vận hành lò; - Ghi lò.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày da thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
40	Vận hành két khí than.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
41	- Làm công việc không chế tự động phân xưởng hợp thành; - Vận hành bơm cao áp, trung áp phân xưởng urê (phân đạm).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
42	Hấp thụ lưu huỳnh bằng ADA (phân đạm).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su;	

		- Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
43	Bơm dung dịch Sunphôlan (phân đậm).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su chống dầu; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
44	Hộp thành Amôniắc (NH ₃).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
45	- Điều chế Amôniắc, đóng bình Amôniắc lỏng; - Hộp thành Urê.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
46	Cô đặc tạo hạt Urê.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Xà phòng.	
47	Đóng bao, khâu bao thành phẩm phân bón.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
48	- Điều chế Supe photphát; - Trung hòa Supe photphát.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
49	- Vận hành trạm bơm nước tuần hoàn (trong sản xuất phân đậm); - Vận hành trạm bơm nước thải.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ;	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

		- Ủng cao su⁽¹⁾; - Xà phòng.	
50	Vận hành máy nén khí hỗn hợp.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
51	- Tái sinh lưu huỳnh; - Đúc thổi lưu huỳnh.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
52	Tháo rửa đồng, rửa kiềm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Giày vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
53	Vận hành trạm xử lý nước giải nhiệt, trạm bơm nước tuần hoàn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
54	Vận hành máy nghiền bi.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
55	Vận hành máy sấy thùng quay.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
56	Vận hành máy trộn quặng mịn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	

57	Vận hành máy ép quặng mịn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
58	Vận hành máy sàng quay, sàng rửa.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
59	Vận hành máy đập hàm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
60	Vận hành băng tải.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
61	Vận hành máy nâng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
62	Vận hành máy xúc lật.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
63	Vận hành máy xúc quặng đá.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
64	Sản xuất phân bón hỗn hợp NPK	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày vải; - Mũ chống chấn thương sọ não;;	

		- Găng tay vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
XVII.3. Thuốc bảo vệ thực vật			
65	Tổng hợp các hoạt chất hóa học (dưới các dạng bột, hạt, lỏng) dùng làm nguyên liệu để sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su; - Giày da vải bạt cao cổ; - Giày da hoặc ủng cao su chống dầu⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Mặt nạ phòng độc chuyên dụng⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
66	Phối liệu, gia công, sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su; - Giày da hoặc giày vải bạt cao cổ; - Giày da hoặc ủng cao su chống dầu⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính bảo hộ; - Mặt nạ phòng độc chuyên dụng⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
67	Sang chai, đóng gói các loại thuốc bảo vệ thực vật dưới các dạng (bao gồm tất cả các công đoạn trên dây truyền như: đưa vào chai, vào túi, đóng nắp, ép túi, dán nhãn, đóng hộp, đóng thùng carton).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su mỏng; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ; - Kính bảo hộ; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	
68	Kiểm định, pha chế mẫu phòng thí nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Giày vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su mỏng chống hóa chất; - Xà phòng.	
XVII.4. Chất dẻo - Cao su - Bao bì			
69	- Phối liệu hóa chất sản xuất cao su, nhựa (PVC, PE, PP); - Vận hành máy luyện cao su (luyện kín, sơ	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi hoặc vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi;	

	hỗn luyện, nhiệt luyện); - Tạo hình tấm lớp ô tô, tấm lớp xe đạp, ống dẫn, dây curoa, má phanh. - Cán hình vải mảnh, tráng kéo vải mảnh; - ép tấm ô tô, tấm xe đạp.	- Kính chống các vật văng bắn; - Bông y tế; - Xà phòng.	
70	Sản xuất rulô cao su, ống sát gạo.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
71	- Sàng sấy hóa chất sản xuất cao su; - Lưu hóa các sản phẩm sản xuất từ cao su; - Cán, cắt, cán tạo hình các sản phẩm cao su; - Sản xuất đệm mút.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não⁽¹⁾; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị khi lưu hóa lớp ô tô (loại lớp lớn).
72	Lý trình, thí nghiệm cường lực các mặt hàng cao su vấp vải, cuộn vải, tráng PVC tại tổ sản xuất.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay sợi hoặc vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
73	- Tổng hợp PVC; - Pha màu, nấu nhựa phế thải; - Sản xuất lá cách PVC; - Vận hành máy đùn nhựa (PP, PE, PVC); - Vận hành máy thổi màng nhựa PP, PE, PVC máy cắt, dán màng nhựa PP, PE, PVC.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
74	- Vận hành máy tráng màng (giấy chống ẩm, giấy sấp), tạo sợi (PP, PE, PVC); - Kéo sợi, quấn chỉ sợi tổng hợp (PP,	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	

	PE,PVC).		
75	- Sản xuất vỏ bao PVC, PP, PE; - Dệt vỏ bao PP, PE; - Vận hành máy cắt, gấp, in mác, may vỏ bao.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
76	Hoàn thiện các sản phẩm nhựa phun ép, màng mỏng PVC.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
77	Vận hành máy ép nhựa, máy dập vỏ hình ốc quy, lưu hóa vỏ bình ốc quy.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
78	- Phun in nhãn hiệu vào mặt hàng cao su, chất dẻo; - Sản xuất keo dán gỗ, vécni; - Vận hành máy sấy hộp.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Xà phòng.	
79	Kiểm tra chất lượng các sản phẩm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo choàng vải trắng; - Dép nhựa có quai hậu; - Găng tay sợi hoặc vải bạt; - Mũ vải; - Giày vải; - Xà phòng.	
80	Nghiên cứu, sản xuất các loại màng, keo đặc biệt.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải sợi; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	
81	Sản xuất các sản phẩm từ giấy, carton có tiếp xúc với bụi, hóa chất, hơi khí độc.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Khẩu trang lọc bụi chuyên dụng; - Găng tay vải;	

		- Xà phòng.	
XVII.5. Pin - ác qui			
82	- Trộn bột cực dương, trộn bột cực than; - Nghiền sây quặng măng gan.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
83	Hóa hồ (chấm sập, rót hồ, chỉnh hồ).	- Quần áo lao động phổ thông; - Găng tay cao su; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
84	- Mài lá cách xốp; - Gia công cực than; - Ép cực than, dập bao than.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi; - Găng tay vải ⁽¹⁾ ; - Giày vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Sử dụng thay thế Găng sợi đôi với khâu nhúng sập cực than và dập bao than.
85	- Vận hành máy cắt ống kẽm, cuốn kẽm, dập vỏ pin; - Kiểm tra ống kẽm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi ⁽¹⁾ ; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Vận hành máy trang bị găng tay vải bạt.
86	Lau cắt ống kẽm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Xà phòng.	
87	- Pha chế điện dịch, sản xuất pin; - Chung hồ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su dày; - Ủng cao su; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
88	- Nấu xi sập (sản xuất pin); - Nấu nhựa hàn khâu (sản xuất ác qui).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt cao cổ; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
89	Vận hành lò nung cực than.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày da;	

		- Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
90	Tuyển lọc quặng măng gan.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su dày; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
91	Nấu rót, cán kềm làm vỏ pin.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giấy da; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
92	- Dập kềm viên, mũ đồng, ống kềm, đinh; - Đánh bóng kềm viên, mũ đồng, dây; - Phong lấp, đồ xi lấp nắp, lấp mũ đồng, lót đáy ống kềm; - Hàn biên, đáy, pin.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi; - Găng tay vải⁽¹⁾; - Bịt tai chống ồn⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị thêm cho người làm công việc dập kềm viên, mũ đồng, ống kềm, đinh.
93	- Đúc hợp kim chì, bi chì, sườn cực, phụ tùng bằng chì; - Luyện chì tái sinh; - Nghiền bột chì; - Gia công, phân loại, đóng gói lá cực.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giấy vải bạt cao cổ; - Kính chống các vật văng bắn; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay sợi⁽¹⁾; - Yếm vải⁽¹⁾; - Bông y tế⁽¹⁾; - Yếm cao su⁽²⁾; - Găng tay cao su⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho đúc hợp kim chì, bi chì, sườn cực, phụ tùng bằng chì; luyện chì tái sinh; nghiền bột chì. ⁽²⁾ Trang bị cho gia công, phân loại, đóng gói lá cực.
94	Trát cao lá cực.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giấy vải bạt cao cổ; - Yếm cao su; - Găng tay chống axit, kiềm; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
95	Hàn lấp ác quy, hàn chùm cực, hàn cầu tiếp.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt;	⁽¹⁾ Trang bị để dùng khi cần thiết.

		- Giày vải bạt thấp cổ; - Mặt nạ hàn hoặc kính hàn; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
96	Hóa thanh tâm cực.	- Quần áo chống axit, kiềm; - Mũ vải; - Găng tay chống axit, kiềm; - Ủng chống axit, kiềm; - Yếm chống axit, kiềm; - Kính hàn; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
97	Chế tạo bột sản xuất lá cách cao su.	- Quần áo lao động phổ thông - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	
98	- Nạp điện ắc quy; - Kiểm tra ắc quy.	- Quần áo lao động phổ thông; - Quần áo chống axit, kiềm⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn (1m x 1m); - Găng tay cách điện; - Găng tay chống axit, kiềm⁽¹⁾; - Ủng chống axit, kiềm⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
99	Thăm dò, thu hồi tấm cực và sửa chữa ắc quy.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn (1m x 1m); - Găng tay cao su⁽¹⁾; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi rửa vỏ bình.
XVII.6. Hơi kỹ thuật - Que hàn - Đắt đèn			
100	Vận hành máy sản xuất ôxy, máy nén, máy phân ly, nạp ôxy.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính chống các vật văng bắn; - Găng tay chống lạnh; - Nút tai chống ồn; - Găng tay vải bạt;	

		- Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
101	- Rửa chai, kiểm tra chai, đánh rỉ chai ôxy; - Vận hành lò điện cực sản xuất đất đèn, chưng dầu cốc; - Nghiền, sàng, sấy, trộn chất bọc que hàn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Kính chống các vật văng bắn hoặc kính chống bức xạ; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
102	- Vận hành lò luyện đất đèn; - Hàn điện cực lò luyện đất đèn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay da; - Giày da cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống bức xạ; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
103	Xay đất đèn, đập đất đèn, nghiền sàng than, vôi.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Xà phòng.	
104	Đóng thùng đất đèn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
105	Vào liệu lò luyện đất đèn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Áo mưa⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết
106	Gò hàn vỏ điện cực lò	- Quần áo lao động phổ thông;	

	đắt đèn.	- Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ hàn điện; - Xà phòng.	
107	- Sản xuất vỏ thùng đất đèn, dập nắp, cuộn tôn; - Kéo sắt đánh rỉ que hàn, cắt lõi que hàn; - Trộn ướt, ép bánh chất bọc que hàn; - Vận hành máy ép que hàn; - Điều chế Axêtylen.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
108	Bao gói, vào hộp que hàn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
109	Đóng thùng que hàn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
XVII.7. Sơn - Mực in			
110	Nấu nhựa ankyd, nấu keo mực in.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
111	- Xử lý nguyên liệu sản xuất sơn, mực in (sàng sây hóa chất, lọc dầu); - Nghiền sơn, nghiền mực; - Pha sơn, lọc sơn, đóng hộp.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su; - Kính chống các vật văng bắn; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
112	Trộn, khuấy sơn cơ giới (muối, ủ sơn).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt cao cổ; - Găng tay cao su; - Kính chống các vật văng bắn; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
113	Nghiên cứu, chế tạo	- Quần áo lao động phổ thông;	

	các loại mực đặc biệt.	- Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Kính chống các vật văng bắn; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay cao su; - Xà phòng.	
XVII.8. Bột giặt - Chất tẩy rửa			
114	- Phối liệu, pha chế hóa chất sản xuất bột giặt; - Sunphô hóa tạo kem trung tính sản xuất bột giặt.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Kính chống các vật văng bắn; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
115	Sàng, phun, sấy, vận chuyển thành phẩm bột giặt, bốc xếp bột giặt trong phân xưởng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Xà phòng.	
116	Cân, đóng gói bột giặt.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khăn choàng chống nóng, nắng, bụi; - Găng tay sợi; - Giày vải bạt thấp cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
117	Sản xuất các loại chất tẩy rửa có tiếp xúc hóa chất, hơi khí độc.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Khẩu trang lọc bụi chuyên dụng; - Xà phòng.	

XVIII. SẢN XUẤT GIẤY-DIÊM

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	- Kẻ giấy, cắt xén giấy; - Đem giấy, bao gói	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải;	⁽¹⁾ Chỉ trang bị cho người vận hành

	giấy.	- Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	máy cắt xén giấy.
2	- Nạp nguyên liệu vào nồi nấu, nấu bã mía; - Tẩy bột, nghiền, rửa, thu hồi bột giấy; - Sản xuất giấy gia lít, giấy ảnh.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
3	Vận hành máy xeo giấy.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ bao tóc; - Găng tay cao su; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
4	Làm nan, ống đay diêm, que diêm, vào tai thanh la kết, bao kiem diêm, sấy khô, xén giấy, kiểm tra que diêm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
5	Nghiền hóa chất, nấu dầu làm diêm, chấm thuốc diêm, nấu hồ làm diêm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải; - Xà phòng.	
6	Đứng máy bỏ bao, dán nhãn, phong chực.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Xà phòng.	

XIX. SẢN XUẤT TẠP PHẨM

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Dập nắp bút máy, dập ống bọc vecsi, dập ngòi, xẻ rãnh ngòi bút, làm lưỡi gà.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng	
2	Điện phân đốt tẩy ngòi bút, cân gói mực, pha chế mực, tráng mực ru băng, rửa chai lọ, rửa nhựa tái sinh.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	

3	Đánh bóng ngòi bút, đánh bóng nhựa, trộn nhựa, cán ép nhựa gói mực.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
4	Bao gói thành phẩm, dán nhãn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Xà phòng.	
5	Nấu men, nghiền men, đốt lò nung.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày da cao cổ; - Xà phòng.	
6	Tạo hình tráng men, phun hoa khắc bản.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	

XX. SẢN XUẤT THỦY TINH - GÓM SỨ

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Gia công nguyên liệu, pha trộn nguyên liệu, vận chuyển thủy tinh, vận hành máy công nghệ sản xuất thủy tinh.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày da thấp cổ; - Xà phòng.	
2	Nấu, kéo ống hoặc kính thủy tinh.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày da cao cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Quần áo, mũ và găng tay chống nóng chuyên dùng⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi xử lý sự cố ở lò nấu hoặc máy kéo kính.
3	Cắt bẻ, phân loại và đóng hòm kính.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày da cao cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học;	

		- Xà phòng.	
4	Phun nền vò phích, phun sơn vò phích, chấn lưu, rút khí chân không bóng đèn, hàn thiếc đèn, cắt thủy ngân, pha trắng bột huỳnh quang, xử lý các loại tụ đèn, đồ nhựa đường chấn lưu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
5	Điều khiển các loại máy nén, máy áp lực, sản xuất loa đèn, cắt đầu bóng đèn, thổi phích, thổi bóng đèn, lắp vò phích.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
6	Xử lý nước, mạ bạc phích, rửa sấy bóng đèn, kiểm nghiệm phích.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
7	Cắm dây tóc, kiểm tra đui, sấy dây tóc, ghép và điều chỉnh chấn lưu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
8	- Gia công nguyên liệu, trộn phối liệu; - Sấy khuôn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
9	- Tạo hình sản phẩm: đồ rót các loại sản phẩm gốm sứ (gồm cả sứ vệ sinh), khuôn thạch cao; - Đốt lò nung gốm sứ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su ⁽¹⁾ ; - Ủng cao su hoặc giày vải bạt chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người tạo hình sản phẩm.
10	Vẽ hoa, tô màu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
11	Phân loại, đóng gói các sản phẩm, gốm sứ (bao gồm cả sứ vệ sinh).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn	

		trượt; - Xà phòng.	
--	--	-----------------------	--

XXI. SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
XXI.1. Tấm lợp - Gạch ngói - Ống sành sứ			
1	Vận hành máy trộn amiăng, xi măng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giày vải bạt cao cổ; - Tất vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
2	- Vận hành máy cán, tạo sóng fibrô xi măng; - Tạo tấm fibrô xi măng bằng phương pháp thủ công.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Tất vải; - Giày vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
3	- Đào vác đất, làm nhuyễn đất; - Làm đất ở những nơi bùn nước; - Làm đất đầu; - Làm dung dịch đất sét; - Thường xuyên bê vác dung dịch đất ướt.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Ủng cao su; - Găng tay su; - Xà phòng.	
4	Làm đất ở các nơi khô ráo: đào đất, xăm đất, xúc đất đổ vào máy nhào luyện, xúc đất lên các phương tiện vận tải.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
5	- Đập, nghiền, sàng các loại đất khô (làm thủ công); - Điều khiển và phục vụ các loại máy nghiền sàng các loại đất khô.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải ⁽¹⁾ ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Làm thủ công ngoài trời cấp nón.
6	Nghiền, sàng, trộn phối liệu làm gạch ngói, ống;	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khăn mặt bông; - Găng tay vải bạt;	

		- Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giày vải bạt chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
7	Nghiên, sàng, trộn phối liệu làm gạch chịu axit.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khăn mặt bông; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giày vải bạt chống trơn trượt; - Găng tay chống axit, kiềm; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
8	- Tạo hình gạch (gồm cả gạch silicat, gạch men), ngói, ống; - Bảo dưỡng gạch hoa, gạch men (ceramic, granit), ngói xi măng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Giày vải bạt chống trơn trượt; - Găng tay cao su; - Xà phòng.	
9	Phun men lên gạch men hoặc ốp lát.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
10	Chuyên đốt lò nung: gạch (gồm cả gạch men hoặc ốp lát), ngói, ống.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Xà phòng.	
11	- Mài bóng sản phẩm gạch men hoặc ốp lát; - Phân loại và đóng gói sản phẩm gạch men hoặc ốp lát.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
12	Làm gạch, ngói xi măng, gạch than xỉ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	

13	Bóc xếp ra vào lò nung hoặc lên xuống các phương tiện vận tải: tấm lợp, gạch ngói (gồm cả gạch men), ống.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Đệm vai; - Xà phòng.	
14	Làm các loại sản phẩm bê tông đúc sẵn (kể cả bảo dưỡng).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
XXI.2. Cát sỏi			
15	Cào, xúc cát sỏi ở dưới nước lên thuyền, xà lan lên bãi chứa.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
16	Khai thác cát sỏi ở trên cạn, ở các bãi sông phơi cát sỏi, cào xúc cát sỏi lên bằng thuyền, lên xuống các phương tiện vận tải, thu dọn cát sỏi ở bãi chứa.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
17	Rửa, chọn cát sỏi và đá (máy, thủ công).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay cao su dày; - Ủng cao su; - Găng tay vải bạt⁽¹⁾; - Giày vải bạt thấp cổ; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
18	Điều khiển và phục vụ các loại máy nghiền sàng cát sỏi.	- Quần áo lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Giày vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
19	- Nghiền sàng cát sỏi thủ công; - Cân đong cát sỏi, xi măng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	

XXI.3. Đá			
20	Vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng máy đập (đập hàm, đập búa).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
21	Đập đá dăm, vận chuyển đá dăm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
22	Vận hành và sửa chữa máy nhai đá, nghiền đá.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Khăn mặt bông; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giày vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
23	Chuyển đá, bốc đá bỏ vào máy nhai đá, nghiền đá, chuyển đá rời khỏi khu vực nghiền đá, nhai đá.	- Quần áo lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
24	Đục đá phiến, đục đá làm dụng cụ sản xuất, dụng cụ gia đình.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
25	Điêu khắc đá.	- Quần áo lao động phổ thông; - Yếm choàng; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	

26	Điều khiển máy và phục vụ việc mài thô, mài tinh, đánh bóng đá phiến, đá hoa granitô.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
27	Sản xuất đá cắt, đá mài.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
28	Điều khiển và phục vụ máy cưa, cắt đá.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
29	Cắt đá thủ công.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
30	Bê vác, chất xếp đá, bốc vác đá lên xuống các phương tiện vận tải.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Xà phòng.	
31	Điều khiển các loại máy khoan đá, búa khoan lỗ mìn, nhồi thuốc mìn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Ủng cao su; - Dây an toàn chống ngã cao (dây thùng to)⁽¹⁾; - Nút tai chống ồn; - Khăn mặt bông; - Xà phòng	⁽¹⁾ Trang bị để làm việc trên cao.
XXI.4. Vôi			
32	Ra vào lò vôi.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng;	

		- Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ.	
33	- Chọn nhặt phân loại vôi, bốc xúc vận chuyển vôi (vôi bột, vôi khô) lên xuống các phương tiện vận tải, ra vào kho. - Đập, nghiền, sàng vôi khô, vôi bột (thủ công).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ.	
34	Điều khiển và phục vụ máy nghiền, trộn vôi khô, trộn phối liệu vôi cát khô.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ.	
XXI.5. Xi măng			
35	- Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng các loại bơm; - Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng cầu trục, cầu rải kho nguyên liệu, than; - Cấp liệu lò nung.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút chống ồn tai; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
36	- Vận hành máy khuấy, trộn nguyên liệu; - Vận hành các thiết bị vận chuyển.	- Mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
37	Vận hành máy nghiền sấy liên hợp (nghiền liệu, nghiền xi măng).	- Mũ chống chấn thương sọ não; - Nút tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Tất vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾;	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		- Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
38	Vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng lò nung	- Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Kính chống bức xạ⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽²⁾ - Áo quần vải bạt; - Quần áo chống nóng⁽³⁾; - Dây an toàn chống ngã cao⁽⁴⁾; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để dùng khi vận hành lò. ⁽²⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết. ⁽³⁾; Trang bị để vào kiểm tra lò nung khi mới dùng có nhiệt độ cao. ⁽⁴⁾ Trang bị để dùng khi sửa chữa.
39	Xúc clinke găm lò.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày da cao cổ; - Tất vải hoặc xà cạp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
40	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống lọc bụi (tĩnh điện, tay áo).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút chống ồn tai; - Giày vải bạt cao cổ; - Tất vải hoặc xà cạp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để dùng khi sửa chữa.
41	- Phân tích cơ lí hóa; - Vận hành máy Rơn ghen.	- Quần áo lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su mỏng; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Quần áo chống tia Ronghen và phóng xạ⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị khi vào vận hành máy Rơn ghen.
42	Đóng xi măng vào bao.	- Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống	

		chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ; - Tất vải.	
43	Vệ sinh công nghiệp trong nhà máy xi măng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt cao cổ; - Tất vải hoặc xà cạp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
44	Sửa chữa điện, cơ khí.	- Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Dây an toàn chống ngã cao; - Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cách điện ⁽¹⁾ ; - Ủng cách điện ⁽¹⁾ ; - Giày chống xăng, dầu mỡ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung theo cấp điện áp để dùng khi cần thiết.
45	Bốc vác, vận chuyển xi măng.	- Mũ bao tóc; - Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Đệm vai; - Tất vải hoặc xà cạp; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Xà phòng.	
46	- Vận hành máy đập búa, hàm, cán ép; - Vận hành thiết bị xuất xi măng, clinker; - Vận hành dây chuyền sản xuất bao xi măng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải; - Giày vải thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Nút chống ồn - Xà phòng.	

XXII. XÂY DỰNG

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
XXII.1. Bê tông			
1	- Thợ sắt công trình; - Tháo ghép khuôn bê tông, cốt pha ở các công trình xây dựng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng.	
2	Điều khiển và phục vụ nhào trộn phối liệu làm vữa bê tông, vữa granitô bằng máy.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
3	Trộn vữa bê tông, trộn phối liệu làm granitô, xúc chuyển đầm đổ bê tông theo phương pháp thủ công.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
4	Phá bê tông.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Dây an toàn chống ngã cao; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
5	Tháo ghép khuôn bê tông ở các xí nghiệp, cơ sở làm bê tông đúc sẵn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Dây an toàn chống ngã cao; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
6	Điều khiển máy phun xi măng, phun vữa, phun cát..	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi;	

		- Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
7	Điều khiển máy đầm rung bê tông, granitô (đầm áp lực).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
8	Điều khiển và phục vụ việc quay li tâm (bằng máy).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
9	Tưới nước dưỡng hộ bê tông, granitô.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não⁽¹⁾; - Ủng cao su; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Thay bằng mũ, nón lá chống mưa nắng cho người sản xuất bê tông đúc sẵn.
XXII.2. Cầu phà đường			
10	- Cuốc đá, phá đá học, phá đá ở thác ghềnh, phá đá mở đường; - Đào đắp, gia cố nền đường.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ghệt vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
11	- Giao nhận nhựa đường; - Lái xe chở nhựa đường.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa; - Yếm da; - Găng tay vải bạt; - Giày da thấp cổ; - Xà phòng.	
12	- Vận hành máy nấu nhựa nhũ tương, máy sấy nhựa D506; - Vận hành trống đẩy đá; - Nấu và rải nhựa đường.	- Quần áo lao động phổ thông. - Mũ, nón lá chống mưa nắng. - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾;	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		- Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng (1,2m x 0,8m); - Xà phòng.	
13	- Điều khiển máy rải thảm bê tông nhựa nóng, bù, san, té đá mặt đường theo máy rải thảm bê tông nhựa nóng; - Phục vụ (làm thủ công) ở các trạm trộn bê tông nhựa nóng. - Rải đá, xếp đá, đầm đá mặt đường vá, chữa đường đá, đường nhựa.	- Quần áo lao động phổ thông; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng (1,2mx1,8m); - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày da cao cổ hoặc giày vải bạt cao cổ đế da; - Xà phòng.	
14	- Lái máy lu (máy lu hơi nước và máy lu diên).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
15	Điều khiển máy trộn bê tông nhựa nóng.	- Áo quần vải bạt mỏng; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng (1,2m x 1,8m); - Kính chống bức xạ; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Xà phòng.	
16	Xây dựng duy tu, bảo dưỡng nhà ga, đường lăn máy bay, đường băng, sân đỗ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Áo chống rét⁽¹⁾; - Giày vải bạt ngắn cổ; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Áo mưa; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.
17	- Thợ sắt làm và sửa chữa cầu sắt; - Uốn sắt bê tông cầu; - Cạo rỉ sơn cầu sắt.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Áo mưa; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để sử dụng khi làm việc trên mặt nước hoặc trên cao.

18	Tán ri về cầu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Bịt tai chống ồn; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Áo mưa; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để sử dụng khi làm việc trên mặt nước hoặc trên cao.
19	Làm việc kích kéo.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Đệm vai; - Giày vải bạt cao cổ; - Áo mưa; - Xà phòng.	
20	- Trực tiếp chỉ huy thi công và sửa chữa cầu đường; - Trực tiếp hướng dẫn chỉ đạo công việc ở trạm trộn bê tông nhựa nóng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Giày vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
21	Bảo quản, sửa chữa, tháo lắp, tát nước, thủy thủ bến phà.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Giày vải bạt thấp cổ; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
22	Thợ lặn.	- Quần áo chống lạnh⁽¹⁾; - Găng tay sợi⁽¹⁾; - Tát chống rét⁽¹⁾; - Khăn quàng chống rét⁽¹⁾; - Quần đùi, áo cổ vuông⁽²⁾; - Quần áo lao động phổ thông⁽³⁾; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt⁽³⁾; - Giày vải bạt thấp cổ⁽³⁾; - Bộ quần áo thợ lặn⁽⁴⁾; - Bình dưỡng khí⁽⁴⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi lặn có dụng cụ. ⁽²⁾ Trang bị để dùng khi lặn vo. ⁽³⁾ Trang bị để dùng khi làm các công việc lao động khác ngoài thời gian lặn và phục vụ lặn. ⁽⁴⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
23	Điện thoại viên, dây hiệu viên phục vụ lặn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ;	

		- Xà phòng.	
XXII.3. Điều khiển máy, thiết bị thi công			
24	- Điều khiển máy đóng cọc; - Điều khiển máy bơm hút bùn nước lưu động ở các công trường xây dựng, khai thác.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
25	Điều khiển các loại máy đào đất, san đất, đầm, xúc, ngoạm đất cho công trường xây dựng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Áo mưa; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
26	- Điều khiển tời điện, tời vận thăng, máy vận thăng thiên xa; - Điều khiển tời quay tay; - Chuyên móc cáp, móc các cầu kiện, móc cáp phục vụ xây lắp.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
27	Điều khiển các loại máy thi công khác.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
XXII.4. Xây lắp, sửa chữa và phục vụ thi công			
28	Đào móng, đào hào, đào giếng, san bãi, san nền.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
29	Phụ nề.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
30	Xây dựng, sửa chữa công trình.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học;	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

		- Giày vải bạt thấp cổ; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
31	Chuyên sửa chữa lò nung, lò sấy, lò hơi.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
32	Xây, sửa chữa ống khói lò cao.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Quần áo chống lạnh⁽¹⁾; - Mũ chống lạnh⁽¹⁾; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Dây an toàn chống ngã cao; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Cấp khi làm việc trên cao về mùa rét.
33	Xây, đặt đường cống ngầm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang lọc bụi; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Xà phòng;	⁽¹⁾ Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.
34	Xây, bảo quản, sửa chữa: cống nhỏ, ngõ nghẽn, hàm ếch.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Xà phòng;	⁽¹⁾ Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.
35	- Sơn tường và cạo tường quét vôi; - Đục tường.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.
36	Trát trần theo lối vãi	- Quần áo lao động phổ thông;	

	bằng tay.	- Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
37	Đào, lấp đất, sửa chữa đường ống.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Dây an toàn chống ngã cao; - Phao cứu sinh ⁽¹⁾; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.
38	- Chuyên làm việc bảo ôn, chống thấm; - Đào, lấp đất, sửa chữa đường ống hơi, ống dẫn nước; - Đào, lấp, sửa chữa đường ống sành sứ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Dây an toàn chống ngã cao ⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.
39	Mài, đẽo, đập (thủ công) các loại gạch	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
40	Pha trộn bê tum, nấu bê tum, quét bê tum.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su ⁽¹⁾; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
41	Cắt kính, lắp kính và trát mắt tít.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
42	Sửa chữa vì kèo; làm nhà gỗ, tre, lán trại;	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não;	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần

	làm giàn giáo, tháo dỡ giàn giáo.	- Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Xà phòng.	thiết.
43	Chuyên sửa chữa các dụng cụ phục vụ các công trường xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
44	Phát cờ hiệu trên công trường.	- Quần áo lao động phổ thông; - Kính chống bức xạ; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	

XXIII. THỦY LỢI

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Trắc địa phục vụ cho việc lập bản đồ qui hoạch hoặc thiết kế các công trình thủy lợi.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Áo mưa; - Quần áo và mũ chống lạnh⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc tại vùng rét.
2	- Trắc địa phục vụ đo đạc khối lượng dự toán nghiệm thu các công trình thủy lợi, cắm tàu nạo vét sông ngòi; - Trắc địa đo đạc độ sâu lòng sông, dự toán khối lượng các công trình đề điều của các đội khảo sát đề.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Tất chống vắt hoặc đĩa⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽²⁾; - Áo mưa; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc ở nơi có vắt hoặc đĩa. ⁽²⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
3	Sửa chữa tàu thuyền, ca nô ở các ụ đà.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Găng tay vải bạt; - Đệm vai; - Xà phòng.	
4	Quản lý công trình điều	- Quần áo lao động phổ thông;	⁽¹⁾ Trang bị để

	hòa phân phối nước, cạo hà, cạo gỉ sắt, lau chùi dây cáp, đóng cửa cống.	- Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt ngắn cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học⁽¹⁾; - Áo mưa; - Ủng cao su⁽²⁾; - Xà phòng.	dùng khi cạo rỉ sắt. ⁽²⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
5	- Quản lí, sửa chữa đê, kè, cống; - Trồng và chăm sóc cây chắn sóng, chống sỏi mòn công trình thủy lợi; - Đào đắp, vận chuyển đất đá, vật liệu xây dựng, bảo vệ các công trình thủy lợi (kênh, mương, đê, bờ bao).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Áo mưa; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
6	Thủy thủ, thuyền viên, kĩ thuật viên, thợ điện, thợ máy tàu công trình thủy lợi.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Quần áo và mũ chống lạnh⁽¹⁾; - Áo mưa; - Giày cao su; - Găng tay vải bạt; - Phao cứu sinh⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. ⁽²⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
7	Vận hành máy khoan khảo sát địa chất công trình thủy lợi;	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Áo mưa; - Quần áo chống lạnh; - Mũ chống lạnh; - Tất chống vắt; - Xà phòng.	
8	Khoan phụt vữa, xi măng, sét các công trình thủy lợi, gia cố nền móng, chống thấm nền móng và thân công trình thủy lợi.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Áo mưa; - Quần áo chống lạnh; - Mũ chống lạnh; - Xà phòng.	
9	Đo địa chấn, nổ mìn, đập búa tạo độ rung.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não;	

		- Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Áo mưa; - Quần áo chống lạnh; - Mũ chống lạnh; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
--	--	---	--

XXIV. GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
XXIV.1. Đường sắt			
1	- Lái tàu, phụ lái tàu; - Lái ô tô ray; - Lái goòng.	- Quần áo lao động phổ thông⁽¹⁾; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy chống xăng, dầu mỡ; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị khi không cấp đồng phục.
2	- Trưởng, phó tàu; - Hành lý viên giao nhận hàng hóa theo tàu; - Trục ban chạy tàu ga; - Phục vụ hành khách, hàng hóa trên tàu và dưới ga (nhân viên ăn uống, khách vận và hóa vận); - Chỉ đạo xếp dỡ; - Phục vụ giao tiếp hành khách, hàng hóa, toa xe và phiên dịch tại ga biên giới liên vận quốc tế.	- Quần áo lao động phổ thông⁽¹⁾; - Mũ vải; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị khi không cấp đồng phục.
3	Áp tải kỹ thuật trên tàu (kỹ thuật điện hoặc kỹ thuật toa xe).	- Quần áo lao động phổ thông⁽¹⁾; - Găng tay cách điện hoặc găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị khi không cấp đồng phục.
4	- Khám xe làm việc ở các ga, trạm; - Kiểm tra, trực giải quyết trở ngại thông tin tín hiệu ở các ga, trạm.	- Quần áo lao động phổ thông⁽¹⁾; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt hoặc ủng cao su; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị khi không cấp đồng phục.
5	Lâm tu chỉnh bị đầu	- Quần áo lao động phổ thông ⁽¹⁾ ;	

	máy, toa xe.	- Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày chống xăng, dầu mỡ (giày da, giày vải chống xăng, dầu, mỡ); - Xà phòng.	
6	Nguội sửa chữa, bảo quản, lắp ráp các loại phụ tùng đầu máy, toa xe.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giày vải bạt; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
7	Nguội sửa chữa, bảo dưỡng, lắp ráp các loại máy, thiết bị có nhiều dầu mỡ: giá chuyển hướng, đầu đấm móc nối, hệ thống hãm đầu máy và toa xe, máy bơm dầu, các thiết bị chứa dầu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày chống xăng, dầu mỡ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
8	- Nguội sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành các loại máy diezen, máy phát điện, máy nén gió, nguồn điện; - Sửa chữa, bảo dưỡng máy điều hòa không khí lắp trên đầu máy, toa xe	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày chống xăng, dầu mỡ; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cách điện⁽¹⁾; - Ủng cách điện⁽¹⁾; - Nút tai chống ồn; - Áo mưa vải bạt⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị khi làm việc ngoài trời.
9	Trưởng đoàn, ghép nối đầu máy, toa xe, dẫn máy.	- Quần áo lao động phổ thông; - Áo phản quang; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị khi không cấp đồng phục.
10	Gác ghi, gác đường ngang, gác cầu chung.	- Quần áo lao động phổ thông⁽¹⁾; - Áo phản quang; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa vải bạt; - Giày chống xăng, dầu mỡ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị khi không cấp đồng phục
11	Tuần đường, cầu, hầm,	- Quần áo lao động phổ thông⁽¹⁾;	

	gác hầm.	- Áo phản quang; - Mũ vải; - Giày vải bạt; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	
12	Đại tu, duy tu cầu, đường sắt, thông tin tín hiệu, kiến trúc.	- Quần áo lao động phổ thông; - Áo phản quang; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt; - Đệm vai; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	
13	Nấu ăn phục vụ tại các đội, cung cầu và cung đường.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt bẩn; - Giày vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Áo mưa vải bạt⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
14	Hóa nghiệm.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su⁽¹⁾; - Ủng cao su; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
15	Lồng bánh xe lửa.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Giày vải bạt; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
16	- Sửa chữa chi tiết, phụ tùng, đệm ghế toa xe; - Mộc lắp ráp, sửa chữa toa xe.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
17	Cấp nước đầu máy, toa xe. Kỹ thuật viên nhiệt lực, đội trưởng lái máy, điểm xe thương vụ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	

18	- Lau, quét rửa toa xe; - Vệ sinh công nghiệp trong nhà xưởng; - Vệ sinh sân ga, nhà kho, bến bãi.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su hoặc giày vải; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	
XXIV.2. Đường bộ			
19	- Lái xe kiêm sửa chữa các loại xe con, xe chở khách; - Lái xe kiêm sửa chữa xe tang, xe cứu thương; - Lái xe kiêm sửa chữa xe điều chuyển hàng đặc biệt (tiền, vàng, đá quý).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang; - Găng tay chống hóa chất; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt chống trơn trượt; - Áo mưa; - Chiếu cá nhân; - Găng tay chống xăng, dầu, mỡ; - Xà phòng.	
20	- Lái các loại xe ô tô, mô tô ba bánh có thùng hoặc hòm chở hàng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang; - Găng tay chống hóa chất; - Mũ bảo hiểm đi mô tô⁽¹⁾; - Kính đi mô tô⁽¹⁾; - Chiếu cá nhân⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để dùng khi lái xe không mũ. ⁽²⁾ Trang bị cho lái xe kiêm sửa chữa.
21	- Phụ xe: bán vé và chất xếp hàng hóa đi theo xe khách.	- Quần áo lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang; - Găng tay chống hóa chất; - Mũ vải; - Xà phòng.	
22	- Lái xe vận tải; - Lái các loại xe vận tải hàng hóa, nguyên vật liệu, trang thiết bị, thực phẩm. - Phụ lái, áp tải các loại xe vận tải hàng hóa nguyên vật liệu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang; - Găng tay chống hóa chất; - Khăn mặt bông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Chiếu cá nhân⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho lái xe kiêm sửa chữa.
23	- Lái xe, phụ lái các xe ô tô thi công hoặc trực tiếp phục vụ trên các công trường xây dựng, thủy lợi, khảo sát địa	- Quần áo lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang; - Găng tay chống hóa chất; - Mũ chống chấn thương sọ não;	⁽¹⁾ Cho loại xe trên 10 tấn. ⁽²⁾ Trang bị cho lái xe kiêm sửa chữa.

	chất, khai thác vật liệu xây dựng, trong dây chuyền sản xuất bê tông. - Lái xe vận tải hạng nặng từ 10 tấn trở lên.	- Giày vải bạt thấp cổ; - Nịt bụng ⁽¹⁾ ; - Chiếu cá nhân ⁽²⁾ ; - Áo mưa có mũ ⁽³⁾ ; - Xà phòng.	⁽³⁾ Trang bị cho lái xe không mũ.
24	- Đội trưởng, đội phó, nhân viên kĩ thuật thường xuyên đi theo xe để hướng dẫn công tác hoặc trực tiếp lái xe.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Xà phòng.	
25	- May đệm ô tô, máy kéo; - Vá săm, lắp lốp ô tô.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
26	Sửa xe, bơm dầu mỡ và lau chùi xe ô tô.	- Quần áo lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang; - Găng tay chống hóa chất; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
27	Sửa chữa ô tô lưu động theo các tổ đội, đoàn xe.	- Quần áo lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang; - Găng tay chống hóa chất; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Giày vải bạt thấp cổ; - Chiếu cá nhân; - Xà phòng.	
28	Kiểm tra an toàn xe ô tô, khám xe ô tô.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Xà phòng.	
29	- Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị của hầm đường bộ; - Giám sát đảm bảo giao thông, vệ sinh trong hầm đường bộ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày chống xăng, dầu, mỡ, a xít (giày da, giày vải chống xăng, dầu, mỡ, a xít); - Mũ chống chấn thương sọ não ⁽¹⁾ ; - Khẩu trang lọc bụi (dùng than hoạt tính); - Chụp tai, nút tai chống ồn; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo phản quang; - Ứng cách điện ⁽¹⁾ ;	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		- Găng tay cách điện⁽¹⁾; - Găng tay chống axit, kiềm; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Áo mưa; - Quần áo chống vi khuẩn (bằng giấy chuyên dụng); - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
30	Bảo vệ hầm đường bộ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày vải; - Khẩu trang lọc bụi (dùng than hoạt tính); - Chụp tai, nút tai chống ồn; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo phản quang; - Áo mưa; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
31	Phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn hầm đường bộ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày da chống nóng, chống cháy; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Quần áo chống nóng, chống cháy; - Khẩu trang lọc bụi (dùng than hoạt tính); - Mặt nạ chống hơi độc; - Găng tay chống nóng, chống cháy; - Găng tay vải; - Chụp tai, nút tai chống ồn; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo phản quang; - Găng tay cách điện⁽¹⁾; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Áo mưa; - Quần áo chống vi khuẩn; - Ủng cao su; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
32	Thu phí cầu đường bộ, thu cước phà.	- Quần áo lao động phổ thông; - Quần áo chống lạnh⁽¹⁾; - Mũ chống chấn thương sọ não hoặc mũ kepi; - Giày da; - Khẩu trang lọc bụi (dùng than hoạt tính); - Chụp tai, nút tai chống ồn; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học;	⁽¹⁾ Trang bị làm việc ở vùng rét. ⁽²⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		- Áo phản quang⁽²⁾; - Áo mưa; - Ủng cao su.	
33	Tuần tra cầu đường bộ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày vải; - Mũ chống chấn thương sọ não, mũ vải hoặc nón lá; - Khẩu trang lọc bụi (dùng than hoạt tính); - Dây đeo an toàn⁽¹⁾ - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo phản quang⁽¹⁾; - Áo mưa; - Ủng cao su.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
34	Xây dựng, sửa chữa cầu đường bộ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Áo mưa; - Mũ chống chấn thương sọ não, mũ vải hoặc nón lá; - Giày vải; - Áo phản quang⁽¹⁾; - Kính màu chống bức xạ⁽¹⁾; - Ủng cao su; - Găng tay vải; - Xà phòng; - Dây đeo an toàn⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Đệm vai⁽¹⁾.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
35	Chỉ huy, kỹ thuật viên giám sát thi công tại các công trình xây dựng, sửa chữa cầu, đường bộ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Áo mưa; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Giày vải; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Xà phòng; - Dây đeo an toàn⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽¹⁾.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
36	Thí nghiệm vật liệu xây dựng công trình giao thông.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi (dùng than hoạt tính); - Giày vải; - Ủng cao su; - Găng tay (vải, cao su); - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
XXIV.3. Đường thủy			
37	- Lái tàu, thuyền	- Quần áo lao động phổ thông;	⁽¹⁾ Đã trang bị

	trưởng, thuyền phó, chính trị viên, quản trị trưởng tàu vận tải, tàu công trình, tàu cấp cứu biển; - Thủy thủ các loại tàu biển (trừ tàu cá).	- Mũ chống chấn thương sọ não⁽¹⁾; - Quần áo và mũ chống lạnh⁽¹⁾; - Áo mưa; - Giày cao su⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽²⁾; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	đồng phục thì không trang bị nữa. ⁽²⁾ Trang bị để dùng khi cần thiết.
38	Thuyền trưởng, thuyền phó, thủy thủ làm việc trên phương tiện thủy nội địa.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Áo mưa; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Mũ chống lạnh⁽¹⁾; - Găng tay vải bạt; - Phao cứu sinh⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng khí hậu rét. ⁽²⁾ Trang bị để dùng khi cần thiết.
39	Máy trưởng, máy phó, thợ máy, thợ chấu dầu, kỹ thuật viên các loại máy trên tàu biển. Máy trưởng, máy phó, thợ máy phương tiện thủy nội địa.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày chống xăng, dầu mỡ; - Bịt tai chống ồn; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Xà phòng. - Găng tay cách điện; - Ủng cách điện.	⁽¹⁾ Trang bị để dùng khi cần thiết.
40	Thợ điện làm việc trên các loại tàu biển, tàu sông (kể cả tàu vận tải và tàu công trình thủy).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay cách điện⁽¹⁾; - Ủng cách điện⁽¹⁾; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Áo mưa; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
41	Hoa tiêu (hướng dẫn tàu ra, vào cảng).	- Áo mưa; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Xà phòng.	
42	- Vô tuyến điện trên tàu biển; - Phiên dịch trên tàu biển.	- Quần áo lao động phổ thông⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽²⁾; - Mũ vải; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Nếu được trang bị đồng phục thì thôi. ⁽²⁾ Trang bị để dùng khi cần thiết.
43	Vệ sinh trên tàu biển.	- Quần áo lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Xà phòng.	

44	- Thợ đèn đảo: bảo quản, sửa chữa và gác đèn đảo (kể cả thợ máy điện); - Bảo quản, sửa chữa và thay đèn biển, đèn cửa sông giáp biển.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Găng tay vải bạt⁽¹⁾; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Áo mưa⁽²⁾; - Ủng cao su; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Phao cứu sinh⁽³⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị chung để dùng khi đi tuần tra, canh gác. ⁽³⁾ Trang bị để dùng chung.
45	Làm việc ở các trạm hàng giăng thả phao, thả đèn, cầm biển báo.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng⁽¹⁾; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa⁽²⁾; - Giày vải bạt thấp cổ; - Phao cứu sinh⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc ngoài trời. ⁽²⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết
46	Duy tu đường sông: phá bãi bồi, thanh thải các chướng ngại vật ven sông.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Giày vải bạt thấp cổ; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
47	Cạo hà, cạo gổ và sơn phao đèn biển; cạo hà, cạo gổ các loại tàu biển, tàu sông.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng (1,2m x 1,8m); - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Bịt tai chống ồn⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để dùng khi gõ cạo gổ bằng máy.
48	- Làm nhiệm vụ buộc, cởi dây tàu thuyền ở bến cảng; - Xây dựng và sửa chữa các công trình đèn đảo, đèn biển.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Áo mưa; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
49	Lao động ụ đà, xưởng sửa chữa phương tiện thủy nội địa.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Áo mưa; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt;	

		- Đệm vai; - Xà phòng.	
50	- Vận tải thuyền thủ công; - Vận hành ca nô, thuyền phà, bè mảng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Áo mưa; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
51	Hướng dẫn người xe qua phà, cầu phao.	- Áo mưa; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Xà phòng.	
52	Công nhân khảo sát đường thủy nội địa	- Quần áo vải dày; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay; - Áo mưa; - Giày vải; - Ủng cao su; - Tất chống vắt đũa; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi đi khảo sát.
53	Công nhân quản lý đường thủy nội địa.	- Quần áo vải dày; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Giày vải; - Ủng cao su; - Tất chống vắt đũa; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
54	Công nhân sản xuất và lắp đặt báo hiệu đường thủy.	- Quần áo vải dày; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Bịt tai chống ồn⁽¹⁾; - Găng tay vải bạt; - Găng tay da; - Áo mưa; - Giày vải; - Ủng cao su; - Tất chống vắt đũa; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Yếm hoặc tạp dề cao su chống axit⁽¹⁾;	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết

		- Xà phòng.	
55	Thuyền trưởng, Máy trưởng làm việc trên tàu công tác quản lý đường thủy nội địa	- Quần áo vải dày; - Mũ chống chấn thương sọ não, Mũ chống lạnh; - Găng tay; - Áo mưa; - Giày vải; - Dép nhựa có quai hậu; - Phao cứu sinh; - Xà phòng.	
XXIV.4. Đường hàng không			
56	Vệ sinh công nghiệp máy bay.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não hoặc mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải sợi; - Giày vải bạt chống trơn trượt; - Áo mưa; - Áo choàng chống ướt bẩn; - Găng tay cao su chuyên dùng; - Ủng cao su; - Áo phản quang⁽¹⁾; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn⁽²⁾; - Áo quần chống rét⁽³⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. ⁽²⁾ Trang bị cho người phải tiếp xúc với độ ồn cao. ⁽³⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.
57	Vệ sinh, quét dọn trên máy bay.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày da thấp cổ; - Găng tay cao su; - Áo mưa; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn; - Áo phản quang⁽¹⁾; - Quần áo chống lạnh⁽²⁾; - Dép nhựa quai hậu⁽¹⁾⁽³⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. ⁽²⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. ⁽³⁾ Sử dụng khi trời mưa.
58	Hút rửa buồng vệ sinh ở máy bay.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày da thấp cổ; - Găng tay cao su; - Áo mưa; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn; - Áo phản quang; - Quần áo chống lạnh⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.
59	Giặt thảm máy bay.	- Quần áo lao động phổ thông;	

		- Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay chống ướt, bẩn; - Ủng cao su hoặc giày cao su; - Yếm chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
60	- Lái các loại xe đặc chủng phục vụ bay; + Lái xe dẫn đường máy bay, xe đầu kéo máy bay; + Lái xe thang, xe tải chở hàng; - Lái xe phục vụ chở người ngoài sân đỗ máy bay; - Lái xe thùng cung ứng, giao nhận suất ăn cho hành khách trên máy bay.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải sợi; - Giày da cao cổ chống trơn trượt; - Áo mưa; - Áo phản quang⁽¹⁾; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn⁽²⁾; - Áo quần chống rét⁽³⁾; - Dép nhựa quai hậu⁽¹⁾⁽⁴⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. ⁽²⁾ Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với độ ồn cao. ⁽³⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. ⁽⁴⁾ Sử dụng khi trời mưa.
61	Thợ sửa chữa, vận hành trang thiết bị bay mặt đất.	- Quần áo lao động phổ thông; - Ủng cao su chống dầu; - Mũ vải; - Giày mũi sắt chống trơn trượt; - Găng tay chống dầu; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay len có gai; - Nút tai chống ồn; - Áo chống rét⁽¹⁾; - Áo mưa⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị khi làm việc ở vùng rét. ⁽²⁾ Trang bị tập thể để làm ngoài sân bay.
62	Lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng thiết bị trung tâm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày da chống trơn trượt cách điện; - Kính màu chống bức xạ⁽¹⁾; - Găng tay vải sợi; - Găng tay cao su cách điện; - Nút tai chống ồn⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với độ ồn cao.
63	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị đo lường, kiểm chuẩn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải sợi; - Giày vải bạt chống trơn trượt; - Xà phòng.	
64	- Thợ bơm xăng dầu, thu nạp dầu thải cho	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải;	⁽¹⁾ Trang bị cho người khi làm

	máy bay; - Lái xe tra nạp xăng dầu cho máy bay; - Hoá nghiệm, viết phiếu tại sân đỗ máy bay.	- Nút tai hoặc bịt tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ hoặc dép quai hậu; - Áo mưa; - Áo phản quang; - Găng tay chống xăng, dầu, mỡ⁽¹⁾; - Ủng cao su chống dầu⁽¹⁾; - Quần áo chống lạnh⁽²⁾; - Xà phòng.	việc phải tiếp xúc với dầu mỡ. ⁽²⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.
65	- Giám sát, điều hành dịch vụ mặt đất; - Điều hành, thống kê tại sân đỗ; - Hướng dẫn hành khách đi, đến bằng máy bay; - Giao nhận, làm tải và giám sát bốc xếp hàng hoá lên xuống máy bay.	- Quần áo lao động phổ thông⁽¹⁾; - Mũ vải⁽¹⁾; - Giày da cao cổ; - Găng tay vải sợi; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn; - Áo mưa; - Áo phản quang⁽²⁾; - Quần áo và mũ chống lạnh⁽³⁾; - Dép nhựa quai hậu⁽²⁾⁽⁴⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Nếu đã được trang bị đồng phục thì thôi. ⁽²⁾ Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. ⁽³⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. ⁽⁴⁾ Sử dụng khi trời mưa.
66	Cung ứng vật tư khí tài máy bay.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải sợi; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Áo mưa; - Áo phản quang⁽¹⁾; - Dép nhựa quai hậu⁽¹⁾⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. ⁽²⁾ Sử dụng khi trời mưa.
67	- Thợ sơn máy bay và các thiết bị khác; - Thợ mạ chi tiết.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não hoặc mũ vải; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Găng tay cao su chống hoá chất chuyên dùng⁽¹⁾; - Ủng chống axit, kiềm⁽¹⁾; - Yếm hoặc tạp dề chống hoá chất chuyên dùng⁽¹⁾; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Áo phản quang⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay.
68	May, vá lợp cánh máy bay.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt;	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay.

		- Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang⁽¹⁾; - Dép nhựa quai hậu⁽¹⁾⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽²⁾ Sử dụng khi trời mưa.
69	Thợ cơ giới máy bay.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày da chống trơn trượt; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su chống hoá chất chuyên dùng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Áo phản quang⁽²⁾; - Áo mưa⁽³⁾; - Dép nhựa quai hậu⁽²⁾⁽⁴⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. ⁽³⁾ Trang bị cho người làm việc ngoài trời. ⁽⁴⁾ Sử dụng khi trời mưa.
70	Thợ đặc thiết máy bay (thợ điện, đồng hồ).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày da chống trơn trượt; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cách điện; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn⁽¹⁾; - Áo phản quang⁽²⁾; - Áo mưa⁽³⁾; - Quần áo chống lạnh⁽⁴⁾; - Dép nhựa quai hậu⁽²⁾⁽⁵⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với độ ồn cao. ⁽²⁾ Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. ⁽³⁾ Trang bị cho người làm việc ngoài trời. ⁽⁴⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. ⁽⁵⁾ Sử dụng khi trời mưa.
71	- Nhân viên điều hành khai thác bay; - Nhân viên hướng dẫn máy bay vào sân đỗ; - Nhân viên bảo trì đường băng, sân đỗ máy bay.	- Áo mưa; - Áo chống rét⁽¹⁾; - Bịt tai chống ồn⁽²⁾; - Áo phản quang⁽³⁾; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị khi làm việc ở vùng rét. ⁽²⁾ Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với độ ồn cao. ⁽³⁾ Trang bị cho nhân viên hướng dẫn máy bay vào sân đỗ.
72	- Thợ vô tuyến, ra đa; - Nhân viên phòng hiệu	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải;	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần

	chuẩn đo lường.	- Găng tay vải bạt; - Giày da thấp cổ; - Kính chống bức xạ; - Găng tay cách điện⁽¹⁾; - Bộ quần áo chống điện từ trường⁽¹⁾; - Mũ chống chấn thương sọ não chống điện từ trường⁽¹⁾; - Áo mưa⁽²⁾; - Áo phản quang⁽³⁾; - Quần áo chống lạnh⁽⁴⁾; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn⁽⁵⁾; - Dép nhựa quai hậu⁽³⁾⁽⁶⁾; - Xà phòng.	thiết. ⁽²⁾ Trang bị cho người làm việc ngoài trời. ⁽³⁾ Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. ⁽⁴⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. ⁽⁵⁾ Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với độ ồn cao. ⁽⁶⁾ Sử dụng khi trời mưa.
73	Rửa lọc siêu âm máy bay.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt chống trơn trượt; - Găng tay chống hoá chất chuyên dùng; - Xà phòng.	
74	Công nhân sửa chữa các đài thu phát sóng siêu cao tần UHF, NDB, ILS vệ tinh vi ba, VOR, DME, VHF, RADAR.	- Quần áo chống điện từ trường⁽¹⁾; - Quần áo lao động phổ thông; - Áo chống rét⁽²⁾; - Giày da đế cao su cách điện; - Kính chống điện từ trường; - Bịt tai chống ồn⁽³⁾; - Mũ chống điện từ trường; - Mũ vải; - Găng tay cách điện; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa⁽⁴⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị cho người làm việc ngoài trời ở vùng rét. ⁽³⁾ Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với độ ồn cao. ⁽⁴⁾ Trang bị cho bộ phận làm việc ở ngoài trời.
75	Vệ sinh công nghiệp.	- Quần áo lao động phổ thông; - Áo chống rét⁽¹⁾; - Mũ vải; - Ủng cao su chống dầu⁽²⁾; - Giày da thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng có rét. ⁽²⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
76	Nhân viên tìm kiếm, cứu nguy.	- Quần áo lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Giày da chống trơn trượt;	

		- Mũ vải; - Áo mưa; - Xà phòng.	
77	Bốc xếp, nhận, trả hành lý hoặc hàng hóa.	- Quần áo lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Áo chống rét⁽¹⁾; - Giày da thấp cổ; - Áo mưa⁽²⁾; - Ủng cao su; - Mũ vải; - Đệm vai; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. ⁽²⁾ Trang bị chung theo ca trực để dùng khi cần thiết.
78	Bốc xếp hành lý hoặc hàng hoá lên xuống máy bay.	- Quần áo lao động phổ thông; - Găng tay len; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay len có gai hở 3 ngón; - Giày da thấp cổ; - Mũ vải; - Đệm vai; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn; - Áo mưa; - Ủng cao su; - Áo phản quang; - Quần áo chống lạnh⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.
79	Nhân viên an ninh hàng không.	- Áo chống rét⁽¹⁾; - Áo mưa; - Găng tay vải sợi; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su chuyên dùng; - Giày nhựa đi mưa; - Nút tai chống ồn⁽²⁾; - Kính chống bức xạ⁽²⁾; - Áo phản quang⁽²⁾; - Quần áo chống nóng, chống cháy⁽³⁾; - Giày da cách điện⁽³⁾; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽³⁾; - Ủng cao su; - Mũ, nón lá chống mưa nắng⁽⁴⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị khi làm việc ở vùng có rét. ⁽²⁾ Dùng cho nhân viên bảo vệ sân đỗ. ⁽³⁾ Chỉ trang bị dùng chung cho nhân viên an ninh, đặc nhiệm. ⁽⁴⁾ Nếu đã được trang bị đồng phục thì thôi.
80	Nhân viên kiểm tra, giám sát an ninh hàng không tại khu bay, sân đỗ máy bay.	- Mũ vải; - Nút tai chống ồn; - Áo mưa; - Áo phản quang⁽¹⁾; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su.	⁽¹⁾ Trang bị chung cho ca trực để dùng khi cần thiết.

81	Nhân viên kiểm tra, giám sát an toàn hàng không tại khu bay, sân đỗ máy bay.	- Mũ vải; - Nút tai chống ồn; - Áo mưa; - Áo phản quang⁽¹⁾; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su; - Kính chống điện từ trường⁽¹⁾; - Bộ quần áo chống điện từ trường⁽¹⁾; - Mũ chống chấn thương sọ não chống điện từ trường⁽¹⁾.	⁽¹⁾ Trang bị chung cho ca trực đề dùng khi cần thiết.
82	Nhân viên kiểm tra, giám sát môi trường tại khu bay, đỗ sân máy bay.	- Mũ vải; - Nút tai chống ồn; - Áo mưa; - Áo phản quang⁽¹⁾; - Ủng cao su.	⁽¹⁾ Trang bị chung cho ca trực đề dùng khi cần thiết.
83	- Nhân viên cân bằng trọng tải; - Nhân viên hướng dẫn chất xếp hành lý.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Bịt tai chống ồn; - Áo mưa; - Găng tay len có gai; - Giày vải bạt chống trơn trượt; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
84	Nhân viên phòng cháy chữa cháy hàng không.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ bảo vệ; - Găng tay vải bạt; - Giày da cao cổ; - Áo mưa; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Quần áo chống nóng, chống cháy; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
85	- Nhân viên kho hành lý thất lạc; - Nhân viên kho vật tư hàng hóa, nguyên vật liệu, trang thiết bị (kể cả giao nhận, bảo quản).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su Y tế; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
86	Nhân viên y tế hàng không.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su y tế; - Ủng cao su; - Áo mưa⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung cho ca trực để sử dụng khi cần thiết.
87	Nhân viên quản lý	- Áo phản quang;	

	ULD (nhân viên quản lý các thùng hàng được vận chuyển bằng xe đầu kéo).	- Mũ vải; - Nút tai chống ồn; - Áo mưa.	
88	Quan trắc khí tượng hàng không.	- Quần áo lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Áo mưa; - Mũ vải; - Kính chống bức xạ; - Găng tay vải bạt; - Áo choàng vải xanh.	
89	Nhân viên vận hành kiêm sửa chữa, bảo dưỡng máy, thiết bị văn phòng (máy vi tính, photocopy, máy điện thoại, fax).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Xà phòng; - Bán mặt nạ chuyên dùng⁽¹⁾;	⁽¹⁾ Dùng chung khi cần thiết.
90	Nhân viên kiểm soát các phương tiện mặt đất.	- Áo phản quang; - Ủng cao su.	
XXIV.5. Bốc xếp			
91	- Lái cầu: + Cầu chân đế, cầu chuyên, cầu nổi, cầu bánh lốp, cầu bánh xích, cầu thiếu nhi; + Lái xe nâng hàng và điều khiển các loại xe cần trục, cầu trục; - Lái máy kéo bánh lốp, bánh xích.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải⁽¹⁾; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị mũ chống chấn thương sọ não cho người điều khiển loại xe không có mui che.
92	Điều khiển các loại băng chuyển tải hàng có nhiều bụi bẩn như: than, đất, cát, sỏi, vôi, xi măng (kể cả việc dọn thải tạp chất).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng (1,2 x 0,8m); - Ủng cách điện⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Làm việc ngoài trời trang bị thay bằng Mũ, nón lá chống mưa nắng. ⁽²⁾ Trang bị chung theo băng chuyền.
93	Điều khiển các loại xe do súc vật kéo và chăm sóc súc vật, có làm nhiệm vụ bốc xếp hàng hoá lên xuống các phương tiện đó.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi⁽¹⁾; - Găng tay vải bạt⁽¹⁾; - Đệm vai⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người kiêm cả bốc xếp.
94	Điều khiển các loại xe do súc vật kéo và	- Áo mưa; - Giày vải bạt thấp cổ;	

	chăm sóc súc vật, không trực tiếp bốc xếp hàng hoá lên xuống các phương tiện đó.	- Xà phòng.	
95	- Bốc xếp hoặc giao nhận hàng hoá, nguyên vật liệu tại các kho hàng, lên xuống các phương tiện vận tải thô sơ, cải tiến và kéo đẩy các phương tiện đó; - Giao nhận hoặc bốc xếp, chuyển dời, đảo trộn, thu dọn các loại hàng hoá, nguyên vật liệu, thùng kết nặng, ráp do cạnh sắc nhọn; - Giao nhận hoặc bốc xếp, chuyển dời, thu dọn các loại nguyên vật liệu, hàng hoá rời, có nhiều bụi bẩn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang lọc bụi ⁽¹⁾ ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học ⁽¹⁾ ; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng (1,2m x 0,8m); - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người xếp dỡ các loại hàng rời có nhiều bụi bẩn.
96	Chuyên sửa chữa và giao nhận, cất giữ các dụng cụ, phương tiện bốc xếp.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
97	Bốc xếp giao nhận hàng lên xuống các phương tiện thủy.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học ⁽¹⁾ ; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải thấp cổ; - Đệm vai; - Khăn choàng chống bụi, nắng, nóng; - Phao cứu sinh ⁽²⁾ - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người bốc xếp loại hàng có nhiều bụi bẩn. ⁽²⁾ Trang bị chung đủ để dung khi cần thiết.
XXIV.6. Đăng kiểm			
98	Đăng kiểm viên đường sắt.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Giày chống xăng, dầu mỡ (giày da, giày vải chống xăng, dầu, mỡ); - Găng tay vải bạt; - Đèn pin; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học;	

		Xà phòng.	
99	Đăng kiểm viên đường bộ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Giày vải bạt thấp cổ chống trơn trượt; - Găng tay; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
100	Đăng kiểm viên đường thủy.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Giày chống xăng, dầu mỡ (giày da, giày vải chống xăng, dầu, mỡ); - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
XXIV.7. Công nghiệp tàu thủy			
XXIV.7.1. Làm việc trên tàu			
101	Thợ máy.	- Quần áo vải cotton; - Giày da đế chịu dầu; - Mũ chống chấn thương sọ não bảo hộ; - Găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng.	
102	Thợ ống.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày da đế chịu dầu; - Mũ chống chấn thương sọ não bảo hộ; - Găng tay vải; - Nút tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng.	
103	Thợ nguội.	- Quần áo vải cotton; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng. - Giày da đế chịu dầu; - Nút tai chống ồn; - Dây an toàn chống ngã cao.	
104	Thợ phun cát, phun	- Quần áo vải cotton;	

	son, phun bi.	- Quần áo phun bi; - Giày vải cao cổ; - Mũ chống chấn thương sọ não bảo hộ; - Mũ vải trùm đầu; - Kính phun cát; - Găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Giấy lọc; - Cục lọc; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Dây an toàn chống ngã cao; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
105	- Thợ gõ rỉ thủ công; - Thợ sơn thủ công.	- Quần áo vải cotton; - Giày vải thấp cổ; - Mũ chống chấn thương sọ não bảo hộ; - Mũ vải trùm đầu; - Găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
106	Thợ điện tàu.	- Quần áo vải cotton; - Giày da đế chịu dầu; - Mũ chống chấn thương sọ não bảo hộ; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Ủng cách điện⁽¹⁾; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để dùng chung
107	Gia công, hàn cắt kim loại bằng điện (hàn điện).	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay thợ hàn; - Giày da cao cổ;	

		- Mặt nạ hàn; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Xà phòng; - Nút tai chống ồn; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Yếm da hàn.		
108	Thợ sắt.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày da lật cao cổ; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải; - Nút tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng.		
109	Thợ giàn giáo.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày vải thấp cổ; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng.		
110	Thợ kích kéo.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày da lật ngắn cổ; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải; - Nút tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa; - Xà phòng.		
111	Thợ cấp điện.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày da lật ngắn cổ; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải; - Nút tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cách điện⁽¹⁾; - Xà phòng.		⁽¹⁾ Trang bị để dùng chung.
112	Thợ mộc.	- Quần áo vải cotton; - Giày vải thấp cổ; - Mũ chống chấn thương sọ não;		⁽¹⁾ Bọc cách nhiệt. ⁽²⁾ Dùng khi có làm việc, tiếp xúc

		- Mũ vải trùm đầu⁽¹⁾; - Găng tay vải; - Nút tai chống ồn; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽²⁾; - Yếm da thợ cưa máy; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	với hóa chất.
113	Nhân viên phòng cháy, chữa cháy.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày da cao cổ; - Áo mưa; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Quần áo chống nóng, chống cháy⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày da đế chịu dầu; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
114	Thủy thủ tàu kéo.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày da ngắn cổ; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải; - Nút tai chống ồn; - Áo mưa; - Áo ấm mùa đông; - Xà phòng.	
115	Thợ máy tàu kéo.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày da đế chịu dầu; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
XXIV.7.2. Làm việc trên bờ, phục vụ			
116	Công nhân Kịch kéo cầu, Lái cầu các loại, lái xe nâng, xe tải.	- Quần áo vải cotton; - Giày vải thấp cổ; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
117	Thợ máy, ống, nguội, điện.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày da lật ngắn cổ; - Mũ chống chấn thương sọ não bảo hộ; - Găng tay vải;	

		- Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
118	Gia công kim loại nguội, kể cả làm bằng máy và thủ công.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
119	Nhân viên bảo vệ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ hoặc nón chống nắng mưa nắng⁽¹⁾; - Áo mưa; - Giày vải bạt thấp cổ⁽¹⁾; - Ủng cao su; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Nếu được trang bị đồng phục thì thôi các trang bị ghi số.
120	Dũ bằng hơi.	- Quần áo vải cotton; - Giày vải thấp cổ; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
121	Phóng dạng.	- Quần áo vải cotton; - Giày vải thấp cổ; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay sợi; - Xà phòng.	
122	Lấy dầu.	- Quần áo vải cotton; - Giày vải thấp cổ; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay sợi; - Xà phòng.	
123	Vận chuyển (phục vụ).	- Quần áo vải cotton; - Giày vải thấp cổ; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
124	Nhiệt luyện.	- Quần áo vải cotton; - Giày vải thấp cổ; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi;	

		- Xà phòng.		
125	Gò, LR.	- Quần áo vải cotton; - Giày vải thấp cổ; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.		
126	Mạ kim loại.	- Quần áo vải cotton; - Giày vải thấp cổ; - Ủng cao su; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.		
127	Vận hành máy nén khí, ép gió.	- Quần áo vải cotton; - Giày vải thấp cổ; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.		
128	Cán, đúc cao su.	- Quần áo vải cotton; - Giày vải thấp cổ; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.		

XXV. VĂN HÓA - THÔNG TIN - LƯU TRỮ

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Quay phim nhựa (làm việc lưu động) kể cả làm các việc phục vụ quay phim.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
2	- Tráng phim, in phim; - Pha chế hóa chất in tráng phim; - Nấu thuốc in chữ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
3	- Chụp ảnh và in phóng ảnh; - Kiểm tra chất lượng phim; - Họa sĩ; - Tu sửa âm bản; - Thủ kho phim sống.	- Áo choàng vải trắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
4	Xay, nghiền, lọc pha	- Quần áo lao động phổ thông;	

	chế bột màu, mực in.	- Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
5	Dựng cảnh và làm mộc.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Xà phòng.	
6	Diễn xuất, động tác phim búp bê, phim cắt giấy.	- Áo choàng vải trắng; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
7	Điều khiển kiêm sửa chữa máy chiếu phim lưu động.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
8	Giao nhập phim hàng ngày (thô phim bằng xe đạp).	- Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
9	- Sắp chữ; - Rửa chữ; - Sửa chữa máy in; - Xén giấy đóng sách; - In các loại.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
10	Mài bản kẽm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
11	Phơi bản kính, bản kẽm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Yếm cao su; - Ủng cao su thấp cổ; - Kính chống bức xạ; - Xà phòng.	
12	Bôi, khắc kính.	- Áo choàng vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
13	Làm các việc bảo quản, khai thác tài liệu lưu trữ: - Vệ sinh tài liệu, khử nấm mốc, mối mọt. - Sắp xếp, chuyển tài	- Mặt nạ phòng độc⁽¹⁾; - Áo choàng vải; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su mỏng;	⁽¹⁾ Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.

	liệu; - Khử trùng tài liệu; - Tu bổ, phục chế tài liệu; - Pha chế dung dịch tráng rửa microfilm; - Khử axit; - Sao chụp tài liệu.	- Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học ⁽¹⁾ ; - Đệm vai ⁽¹⁾ ; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
14.	Kiểm tra tài liệu bằng máy X.	- Quần áo lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Quần áo chống tia Ronghen và phóng xạ ⁽¹⁾ ; - Kính chống tia Ronghen, phóng xạ ⁽¹⁾ ; - Găng tay chống tia Ronghen và phóng xạ ⁽¹⁾ ; - Yếm hoặc tạp dề chống tia Ronghen và phóng xạ ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.
15	Kiểm tra tài liệu bằng phương pháp hoá lý.	- Áo choàng vải trắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Găng tay cao su mỏng; - Xà phòng.	
16	Dán ép plastic	- Áo choàng vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su mỏng; - Xà phòng.	
17	Chế bản phim, chế bản tài liệu	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt bản; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
18	Thủ kho giao nhận, bảo quản, tu sửa bản phim Positip.	- Quần áo lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải.	
19	Giao nhận phim bằng mô tô, xe gắn máy.	Quần áo lao động phổ thông.	

XXVI. BƯU CHÍNH - VIỄN THÔNG VÀ PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Khảo sát, giám sát xây dựng hoặc lắp đặt các	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não;	⁽¹⁾ Trang bị cho người đi mô tô.

	công trình thông tin, đường dây thông tin.	- Mũ bảo hiểm đi mô tô⁽¹⁾; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Giày vải bạt thấp cổ⁽²⁾; - Dây an toàn chống ngã cao⁽³⁾; - Quần áo chống điện từ trường; - Xà phòng.	(2) Trang bị giày đi rừng cao cổ + tất chống vắt khi làm việc ở vùng rừng núi. (3) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
2	Xây lắp, bảo dưỡng, sửa chữa cột caoăng ten.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Quần áo chống điện từ trường; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
3	Xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm tra hoặc tuần tra bảo vệ các tuyến cáp thông tin: - Cáp treo, cáp ngầm hoặc cáp biển; - Cáp quang; - Đường dây trần; - Các thiết bị trên mạng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Mũ bảo hiểm đi mô tô⁽¹⁾; - Găng tay vải bạt; - Đệm vai; - Bộ Áo mưa; - Dây an toàn chống ngã cao⁽²⁾; - Ủng cao su⁽²⁾; - Kính hàn⁽²⁾; - Tăng bạt, vớ⁽²⁾; - Bộ quần áo thợ lặn⁽³⁾; - Bình dưỡng khí⁽³⁾; - Phao cứu sinh⁽⁴⁾; - Quần áo và mũ chống lạnh⁽⁵⁾; - Giày vải bạt thấp cổ⁽⁶⁾; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người đi xe mô tô. (2) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết. (3) Trang bị chung để sử dụng khi lặn. (4) Trang bị chung để sử dụng khi làm việc trên mặt nước sâu. (5) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. (6) Trang bị giày đi rừng cao cổ + Tất chống vắt khi làm việc ở vùng rừng núi.
4	Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị thông tin vệ tinh.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Mũ vải; - Dép xốp; - Áo khoác chống lạnh⁽¹⁾; - Giày chống tĩnh điện⁽²⁾; - Găng tay cách điện⁽³⁾; - Ủng cách điện⁽³⁾; - Bộ quần áo chống điện từ trường⁽³⁾; - Quần áo và mũ chống lạnh⁽⁴⁾;	(1) Trang bị thêm khi làm việc trong phòng lạnh. (2) Trang bị chung dùng trong phòng máy. (3) Trang bị chung. (4) Trang bị thêm khi làm việc ở vùng rét.

		- Xà phòng.	
5	Vận hành, bảo dưỡng, đo kiểm máy phát, thu phát của ngành bưu chính viễn thông.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cách điện ⁽¹⁾ ; - Ủng cách điện ⁽¹⁾ ; - Giày chống tĩnh điện ⁽¹⁾ ; - Quần áo chống điện từ trường ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị dùng chung.
6	Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị vi ba tại các trạm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Dây an toàn chống ngã cao ⁽¹⁾ ; - Quần áo và mũ chống lạnh ⁽²⁾ ; - Giày chống tĩnh điện ⁽³⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết. ⁽²⁾ Trang bị khi làm việc ở vùng rét. ⁽³⁾ Trang bị chung theo phòng máy.
7	Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa tổng đài (tổng đài số, cửa quốc tế, cấp quang, di động, truyền số liệu).	- Quần áo lao động phổ thông; - Dép xốp; - Áo khoác, quần áo chống lạnh ⁽¹⁾ ; - Giày chống tĩnh điện ⁽²⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị khi làm việc trong phòng lạnh. ⁽²⁾ Trang bị dùng chung khi làm việc ở phòng máy.
8	Sửa chữa, lắp đặt máy điện thoại (làm việc lưu động).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Mũ bảo hiểm đi mô tô ⁽¹⁾ ; - Áo mưa; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người đi mô tô.
9	Lắp ráp, bảo dưỡng, sửa chữa máy điện thoại, máy thu tăng âm, tải ba, vi ba.	- Áo choàng vải hoặc quần yếm dây; - Mũ vải; - Xà phòng.	
10	Sản xuất thiết bị thông tin: - Cấp quang, cáp thông tin các loại; - Viba, tổng đài, thiết bị nguồn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ - Bịt tai chống ồn; - Xà phòng.	
11	Khai thác điện thoại, phi thoại.	- Áo choàng vải; - Dép xốp; - Áo chống rét ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị thêm khi làm việc trong phòng lạnh.
12	Công nhân thu bưu điện phí.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Mũ bảo hiểm đi mô tô ⁽¹⁾ ; - Áo mưa;	⁽¹⁾ Trang bị khi đi bằng xe máy.

		- Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
13	Hộ tổng viên đường thư trên các phương tiện giao thông.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị khi đi trên các phương tiện vận tải thủy.
14	Khai thác bưu chính phát hành báo chí.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ hoặc dép quai hậu; - Bịt tai hoặc nút tai chống tiếng ồn⁽¹⁾; - Xà phòng;	⁽¹⁾ Trang thiết bị cho người làm việc ở nơi có tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
15	Giao thông viên, bưu tá, điện tá.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não hoặc mũ bảo hiểm đi mô tô; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giày vải bạt thấp cổ hoặc dép quai hậu; - Bộ áo mưa; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Quần áo và mũ chống lạnh⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc trên sông nước; ⁽²⁾ Trang bị cho người làm việc ở vùng rét ⁽²⁾
16	Bảo quản cấp phát tem chơi, tem lưu trữ.	- Áo choàng vải; - Mũ vải; - Bàn mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	
17	Đục tem bằng máy.	- Quần áo lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Bịt tai chống ồn⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị thêm khi làm việc chịu ảnh hưởng của tiếng ồn.
18	- Quay phim trong trường quay; - Điều khiển cần trục máy quay.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
19	Vận hành máy phát sóng: - Phát thanh; - Phát hình.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cách điện⁽¹⁾; - Găng tay cách điện⁽¹⁾;	⁽¹⁾ Trang bị chung để tại nơi làm việc.

		- Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
20	Vận hành máy phát sóng tại các trạm phát sóng đặt trên núi cao từ 100m trở lên.	- Quần áo lao động phổ thông; - Găng tay sợi; - Tất chống rét; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Xà phòng.	
21	Vận hành các máy tăng âm, ghi âm và thiết bị truyền thanh.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
22	Bảo dưỡng, sửa chữa máy thuộc trung tâm phát thanh, truyền hình.	- Áo choàng trắng; - Dép nhựa có quai hậu; - Quần áo lao động phổ thông; - Xà phòng.	
23	- Điện toán (truyền số liệu, quản lý danh bạ, lập trình); - Sửa chữa, bảo dưỡng máy vi tính.	- Áo choàng vải trắng; - Dép xốp; - Áo chống rét⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Làm việc trong phòng lạnh.
24	Tuần tra, kiểm tra Fido, ăng ten.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Giày vải thấp cổ hoặc dép quai hậu: - Quần áo và mũ chống lạnh; - Áo mưa; - Quần áo chống điện từ trường; - Xà phòng.	

XXVII. TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	- Thu, phát, đếm, đóng bó, tiêu huỷ tiền (kiểm ngân, thủ quỹ, nhân viên cắt huỷ); - Các thành viên Ban quản lý kho hoặc những người được ủy quyền thường xuyên; Trưởng, phó phòng kho quỹ.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Dép quai hậu; - Xà phòng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông.	
2	Bốc xếp các hàng đặc biệt (tiền, vàng, đá quý), kê cả thủ kho,	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi;	

	phụ kho).	- Găng tay vải bạt; - Dép quai hậu; - Áo mưa; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Đệm vai vải bạt; - Xà phòng.	
3	Vận hành máy in số xố cào, máy in tiền.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giày vải bạt hoặc Dép nhựa có quai hậu; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ hoặc bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Găng tay cao su chống hoá chất chuyên dùng⁽¹⁾; - Yếm hoặc tạp dề chống hoá chất chuyên dùng⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc tiếp xúc với hoá chất độc hại.

XXVIII. Y TẾ

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	
1	- Bác sĩ, y sĩ khám chữa bệnh và điều trị tại các bệnh viện, trạm xá; - Dược sĩ tại các bệnh viện, trạm xá.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
2	- Y tá, hộ lý; - Phục vụ phòng mổ; - Vệ sinh ngoại; - Rửa chai lọ, xử lí bệnh phẩm; - Phục vụ nhà xác.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
3	- Kiểm tra, lấy mẫu vệ sinh môi trường; - Vệ sinh phòng dịch, kiểm dịch biên giới; + Kiểm tra vệ sinh thực	- Quần áo lao động phổ thông⁽¹⁾; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa có quai hậu hoặc ủng cao su;	⁽¹⁾ Nếu đã được trang bị đồng phục thì thôi. ⁽²⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần

	phẩm; + Điều tra, giám sát, kiểm tra các ổ dịch, côn trùng; + Phun thuốc hoặc hoá chất diệt trùng, côn trùng.	- Khẩu trang lọc bụi; - Bán mặt nạ hoặc mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽²⁾; - Áo mưa⁽³⁾; - Mũ, nón lá chống mưa nắng⁽³⁾; - Mũ bảo hiểm đi xe máy⁽⁴⁾; - Áo phản quang⁽⁵⁾; - Áo phao hoặc phao cứu sinh⁽⁶⁾; - Xà phòng.	thiết. (3) Trang bị cho người làm việc ngoài trời. (4) Trang bị cho người đi làm việc lưu động nhiều trên đường bằng xe máy. (5) Trang bị cho người làm việc trong điều kiện trời tối. (6) Trang bị cho người làm việc ở vùng sông nước hoặc đang bị lũ lụt.
4	Sản xuất nước cất.	- Quần áo vải trắng hoặc áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Găng tay cao su; - Giày cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
5	Pha chế, sản xuất các loại sản phẩm hoá dược: - Vắc - xin; - Thuốc tây y, thuốc đông dược; - Thuốc hoặc hoá chất sát trùng.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su hoặc ủng vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Nút hoặc bịt tai chống ồn⁽¹⁾; - Yếm hoặc tạp dề chống hoá chất chuyên dùng⁽²⁾; - Bán mặt nạ hoặc mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽²⁾; - Áo mưa⁽³⁾; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc ở nơi quá ồn. (2) Trang bị chung để dùng khi cần thiết. (3) Trang bị cho người đi thu hái nguyên liệu thuốc đông dược.
6	- Giám định hoá lý, giám định vệ sinh thực vật; - Giải phẫu vi thể, kiểm nghiệm chất độc.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải trắng, hoặc mũ bao tóc; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su mỏng; - Xà phòng.	
7	- Y tế lưu động; - Y tế thôn, bản, xã.	- Quần áo vải trắng hoặc áo choàng trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa có quai hậu;	(1) Trang bị cho người đi làm việc lưu động nhiều trên đường bằng xe máy.

		- Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Mũ bảo hiểm đi xe máy⁽¹⁾; - Áo phao hoặc phao cứu sinh⁽²⁾; - Xà phòng.	⁽²⁾ Trang bị cho người đi làm việc ở vùng sông nước hoặc lũ lụt.
8	- Giải phẫu bệnh và giải phẫu bệnh tế bào; - Khám mô tử thi (kể cả khai quật tử thi).	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su; - Kính chống các vật văng bắn; - Khẩu trang lọc bụi; - Yếm hoặc tạp dề chống hoá chất chuyên dùng⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
9	Sử dụng hoặc tiếp xúc với các chất phóng xạ hoặc tia phóng xạ trong: - Chẩn đoán, điều trị bệnh; - Thăm dò chức năng; - Sản xuất thuốc chữa bệnh.	- Quần áo vải trắng, dày và trơn; - Mũ vải trắng; - Tay gấp nguồn⁽¹⁾; - Dép nhựa có quai hậu; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống tia Ronghen, phóng xạ; - Bộ quần áo chống tia Ronghen và phóng xạ; - Găng tay cao su chống phóng xạ; - Yếm chống tia Ronghen và phóng xạ; - Giày hoặc ủng cao su chống phóng xạ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho nhân viên xạ trị.
10	Tiếp xúc với tia tử ngoại, tia hồng ngoại trong: - Khử trùng; - Điều trị bệnh.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng; - Kính chống bức xạ; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
11	Làm việc trong phòng thí nghiệm y tế, hoá dược.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Yếm hoặc tạp dề chống hoá chất chuyên dùng⁽¹⁾; - Kính chống các vật văng bắn hoặc	⁽¹⁾ Tùy từng công việc cụ thể có thể được trang bị thêm những phương tiện cần thiết khác.

	chống hoá chất chuyên dùng ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	
--	--	--

XXIX. NGHỀ VÀ CÁC CÔNG VIỆC KHÁC

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
XXIX.1. Cấp dưỡng			
1	Sơ chế thực phẩm.	- Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay chế biến thực phẩm ⁽¹⁾ ; - Ủng hoặc giày chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị theo thực tế.
2	Nấu ăn ở các bếp tập thể, trên tàu biển, tàu sông, xe lửa.	- Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Quần áo vải trắng; - Ủng hoặc giày chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Xà phòng.	
3	Nấu ăn và đem cơm, nước uống tới các đội sản xuất lưu động trong rừng, đội khảo sát địa chất.	- Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Giày vải bạt cao cổ đi rừng; - Áo mưa; - Xà phòng.	
4	- Nấu ăn ở các nhà hàng, khách sạn. - Nấu ăn ở các bếp ăn cho người lái máy bay, hành khách đi máy bay.	- Áo quần vải trắng hoặc áo choàng vải trắng; - Yếm hoặc tạp dề vải trắng chống ướt, bẩn; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
5	Chia, xếp đặt suất ăn hoặc phục vụ bàn ăn.	- Áo quần vải trắng; - Yếm hoặc tạp dề trắng chống ướt, bẩn; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay cao su mỏng ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị để dùng khi cần thiết.
6	Nhào nắm than, đốt lò.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

7	Rửa các dụng cụ phục vụ việc nấu ăn, dụng cụ ăn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Ủng cao su; - Găng tay cao su. - Xà phòng.	
8	Cung ứng, tiếp phẩm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Áo mưa; - Mũ, nón lá chống mưa nắng⁽¹⁾; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
XXIX.2. Dự trữ - Thủ kho			
9	Thủ kho lương thực (giao nhận, bảo quản).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
10	Thủ kho muối (giao nhận, bảo quản).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
11	Thủ kho (giao nhận, bảo quản) nhóm hàng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc diệt chuột, trừ mối mọt, các loại hóa chất, phân hoá học.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su dày⁽¹⁾; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
12	Thủ kho vật tư ô tô (giao nhận, bảo quản).	- Quần áo lao động phổ thông; - Ủng cao su chống xăng dầu; - Mũ vải; - Giày vải bạt chống trơn trượt; - Găng tay vải bạt; - Găng tay chống xăng, dầu, mỡ⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
13	Thủ kho (giao nhận, bảo quản) nhiên liệu, dầu mỡ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải⁽¹⁾; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ hoặc dép nhựa	⁽¹⁾ Làm việc ngoài trời trang bị thay bằng mũ, nón lá chống mưa nắng.

		có quai hậu; - Ủng cao su chống dầu ⁽²⁾ ; - Bán mặt nạ phòng độc ⁽²⁾ ; - Găng tay chống dầu ⁽²⁾ ; - Áo mưa; - Xà phòng.	(2) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
14	Thủ kho các loại vật liệu, hàng hóa nhiều bụi bẩn (kể cả giao nhận, bảo quản).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ bao tóc; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Tất vải hoặc xà cạp; - Xà phòng.	
15	Thủ kho các loại vật liệu, hàng hóa, vật liệu kim khí sắc nhọn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
16	Thủ kho hàng hoá thông thường.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
17	Thủ kho hàng hóa, nguyên vật liệu, thiết bị máy khác (kể cả giao, nhận, bảo quản).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
18	Kỹ thuật viên kiểm nghiệm.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Đệm vai; - Xà phòng.	
19	Công nhân phun thuốc phòng diệt côn trùng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ bao tóc; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng ⁽¹⁾ ; - Đệm lưng vải bạt ⁽²⁾ ; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung sử dụng khi cần thiết. (2) Trang bị theo máy.
20	Thủ kho (giao, nhận, bảo quản) vật tư thông dụng động viên công	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Đệm vai;	

	nghiệp.	- Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
21	Thủ kho (giao nhận, bảo quản) vật liệu nổ công nghiệp.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung sử dụng khi cần thiết.
22	Thủ kho (giao nhận, bảo quản) vật tư, thiết bị cứu hộ, cứu nạn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt chống trơn trượt; - Ủng cao su chống xăng dầu⁽¹⁾; - Găng tay chống xăng, dầu mỡ⁽¹⁾; - Giày vải bạt thấp cổ hoặc dép nhựa có quai hậu; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung sử dụng khi cần thiết.
XXIX.3. Vệ sinh môi trường đô thị - Lao động			
23	Rửa các loại xe ô tô của cơ quan.	- Áo mưa; - Ủng cao su; - Găng tay cao su; - Xà phòng.	
24	Làm đất trồng, trông, chăm sóc hoa và cây cảnh; cắt rào, phạt cỏ vườn.	- Quần yếm dày; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
25	Quét dọn cơ quan, xí nghiệp, tạp vụ.	- Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
26	Quét, xúc chuyển rác, san bãi rác.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Áo mưa; - Áo phản quang; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm việc khi trời tối.
27	Nạo vét bùn ở cống ngầm, cống ngang, mương sông hồ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Áo mưa; - Mũ, nón lá chống mưa nắng hoặc mũ vải;	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

		- Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt hoặc cao su; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Giày vải bạt thấp cổ; - Quần áo lội nước; - Xà phòng;	
28	- Quét dọn hố xí, hố tiêu tự hoại, cống rãnh; - Đổ thùng, phục vụ xe hút phân, chở phân.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
29	Lái xe chở phân, rác, bùn cống.	- Quần áo lao động phổ thông; - Áo mưa; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt cao cổ; - Chiều cá nhân⁽¹⁾; - Xà phòng	⁽¹⁾ Trang bị cho lái xe kiêm sửa chữa.
30	Chế biến rác.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su⁽¹⁾; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
31	Hạ cây, chặt cành.	- Mũ chống chấn thương sọ não; - Dây an toàn chống ngã cao⁽¹⁾; - Giày vải bạt thấp cổ; - Quần áo lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
32	Chôn, cất mô mả.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su dày⁽¹⁾; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
33	Trông coi nghĩa trang.	- Giày vải bạt thấp cổ - Ủng cao su⁽¹⁾; - Mũ, nón lá chống mưa nắng; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
34	Vận hành máy bơm, tàu cuốc máy hút bùn.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ hoặc nón chống nắng mưa; - Áo mưa;	⁽¹⁾ Trang bị chung dù để dùng khi cần thiết.

		- Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su; - Xà phòng;	
35	Duy tu nương, sông nước thải thành phố.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ hoặc nón chống nắng mưa; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Phao cứu sinh⁽¹⁾; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Giày vải bạt thấp cổ; - Xà phòng;	⁽¹⁾ Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.
XXIX.4. Nhân viên bảo vệ - Phòng chữa cháy			
36	- Bảo vệ cơ quan, xí nghiệp, tuần tra hiện trường; - Bảo vệ kho tàng dự trữ quốc gia.	- Quần áo lao động phổ thông⁽¹⁾; - Mũ, nón lá chống mưa nắng⁽¹⁾; - Áo mưa; - Đèn pin; - Giày vải bạt thấp cổ⁽¹⁾; - Ủng cách điện⁽²⁾; - Ủng cao su; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Nếu được trang bị đồng phục thì thôi các trang bị ghi số. ⁽²⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
37	Thợ nạp bình cứu hỏa.	- Quần áo lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Ủng cao su; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
38	Nhân viên phòng cháy, chữa cháy.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày da cao cổ; - Áo mưa; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Quần áo chống nóng, chống cháy⁽¹⁾; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng; - Túi cứu thương⁽²⁾.	⁽¹⁾ Trang bị để dùng trong các tình huống khẩn cấp. ⁽²⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
XXIX.5. Quản lý sản xuất - Dịch vụ			
39	- Quản đốc, phó quản đốc phân xưởng, đốc công, trưởng ca, trưởng lò; - Giám sát thi công, trực tiếp chỉ đạo sản	- Được trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân cần thiết như người đang làm nghề, công việc được kiểm tra, giám sát, hoặc như người làm các nghề, công việc có cùng tính chất. - Tuỳ thuộc vào từng công việc cụ	

	xuất tại phân xưởng, công trường; - Kỹ thuật viên ở đoàn khảo sát địa chất, địa hình; - Cán bộ kiểm tra, đo đạc các yếu tố về an toàn - vệ sinh lao động (điều kiện lao động).	thể có thể được trang bị thêm các phương tiện bảo vệ cá nhân khác.	
40	Người làm các dịch vụ có tính chất như nghề hoặc công việc trong danh mục như bán hàng, giới thiệu sản phẩm.	Được trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân cần thiết giống như nghề, công việc có cùng tính chất.	
XXIX.6. Giáo viên dạy nghề - Học sinh học nghề			
41	Giáo viên dạy nghề, dạy thực hành.	Được trang bị những thứ cần thiết như người lao động làm nghề, công việc mà họ dạy.	
42	Học sinh học nghề, đào tạo tại trường dạy nghề hoặc kèm cặp trong sản xuất.	Khi thực hành được trang bị như người lao động làm nghề, công việc đó.	
XXIX.7. Thể dục - Thể thao			
43	Giáo viên, hướng dẫn viên, huấn luyện viên, vận động viên thể thao.	- Quần áo, mũ, giày, tất chuyên ngành thể thao; - Bao đầu gối, cẳng cổ chân, khuỷu tay; - Kính chuyên ngành thể thao; - Xà phòng.	Nếu được trang bị loại đồng phục nào thì thôi loại phương tiện bảo vệ cá nhân đó.
XXIX.8. Du lịch			
44	Thủ kho thực phẩm lạnh (giao nhận, bảo quản).	- Quần áo vải dày; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt bẩn; - Ủng cao su hoặc giày vải cao cổ; - Tất chống rét; - Xà phòng.	
45	- Làm vệ sinh ở các bể bơi, hồ bơi; - Xử lý nước cấp, nước thải.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ, nón lá chống mưa nắng hoặc mũ bao tóc; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Yếm hoặc tạp dề chống hoá chất chuyên dùng ⁽¹⁾ ; - Găng tay cao su chống hoá chất	⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		chuyên dùng ⁽¹⁾ ; - Ủng cao su chống hoá chất chuyên dùng ⁽¹⁾ ; - Bán mặt nạ hoặc mặt nạ phòng độc chuyên dùng ⁽¹⁾ ; - Dây an toàn chống ngã cao ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	
46	Giặt, là.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Dép nhựa có quai hậu hoặc ủng cao su; - Khăn mặt bông ⁽¹⁾ ; - Bán mặt nạ phòng độc ⁽²⁾ ; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị cho người làm thủ công. ⁽²⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
47	Cứu hộ ở các khu vui chơi giải trí như: bể bơi, hồ bơi, bãi biển.	- Quần áo bơi; - Mũ bơi; - Kính bơi; - Phao cứu sinh hoặc áo phao; - Khăn bông choàng; - Xà phòng.	
48	Đầu bếp làm việc trong bếp	Giày chống trơn, trượt	
XXIX.9. Bảo hiểm			
49	Giám định, bảo hiểm hiện trường.	- Kính chống bức xạ; - Giày vải bạt chống trơn trượt hoặc ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su hoặc Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
XXIX.10. Công an			
50	Nghiên cứu, thử nghiệm vũ khí, khí tài hóa học chuyên dụng.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải sợi; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Xà phòng.	
51	Nghiên cứu sản xuất chất cay mắt, chất gây mê, chất ngạt.	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày vải bạt thấp cổ; - Mặt nạ phòng độc; - Găng tay vải sợi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học ⁽¹⁾ ; - Mũ vải; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung khi cần thiết.

52	Trình sát kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt.	- Quần áo lao động phổ thông; - Găng tay cao su; - Xà phòng.		
53	Kiểm tra tài liệu bằng X quang.	- Quần áo lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Xà phòng.		
54	Giám định vật liệu nổ, vật liệu nổ, mẫu phóng xạ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Xà phòng.		
55	Trực tiếp khám, điều trị cho cán phạm, phạm nhân và trẻ em vị thành niên.	- Quần áo vải trắng; - Găng tay cao su mỏng; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Xà phòng.		
56	Kiểm tra tài liệu bằng phương pháp lý hóa.	- Quần áo vải trắng; - Găng tay cao su mỏng; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Xà phòng.		
57	Giải phẫu vi thể, kiểm nghiệm chất độc pháp y.	- Quần áo vải trắng; - Găng tay cao su mỏng; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Túi đê hoặc yếu chống ướt, bẩn; - Xà phòng.		
58	- Khám nghiệm, giám định dấu vết súng, đạn, dấu vết cơ học; - Giám định hóa pháp lý, giám định vi sinh vật.	- Áo choàng vải trắng; - Găng tay cao su mỏng; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Xà phòng.		
59	Nuôi và chăm sóc chó nghiệp vụ.	- Quần áo lao động phổ thông; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Xà phòng.		
60	Bảo quản, chỉnh lý khai thác thư căn cước cán phạm và chứng minh thư.	- Áo choàng vải trắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Xà phòng.		
61	Bảo quản, khai thác	- Áo choàng vải trắng;		

	phim trong tầng thư.	- Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Xà phòng.	
62	Nghiên cứu chế tạo các loại mực đặc biệt.	- Quần áo lao động phổ thông; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Găng tay cao su; - Xà phòng.	
63	Nghiên cứu chế tạo thiết bị, máy phát tia X quang, tia cực tím.	- Quần áo vải dày; - Yếm chống tia Ronghen và phóng xạ⁽¹⁾; - Mũ vải; - Găng tay cao su chống phóng xạ⁽¹⁾; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung khi cần thiết.
64	Nghiên cứu sản xuất các loại màng, keo polyme đặc biệt.	- Quần áo lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Xà phòng.	
65	Chế bản ăn mòn kim loại làm dấu, chế bản phim, chế bản tài liệu.	- Quần áo lao động phổ thông; - Găng tay cao su chống axit⁽¹⁾; - Ủng cao su chống axit⁽¹⁾; - Yếm cao su chống axit⁽¹⁾; - Mũ vải; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung khi cần thiết.
66	Sản xuất quả cay, quả nổ, sửa chữa vũ khí.	- Quần áo lao động phổ thông; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Mũ vải; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung khi cần thiết.
67	Nghiên cứu sản xuất các chất chữa cháy (bột chữa cháy xăng dầu).	- Quần áo lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt chống trơn trượt; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
68	Nghiên cứu chế tạo thiết bị siêu cao tần.	- Quần áo vải dày; - Quần áo chống điện từ trường⁽¹⁾; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	⁽¹⁾ Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
69	Thủ kho vũ khí hóa	- Quần áo lao động phổ thông;	⁽¹⁾ Trang bị chung

	chất độc.	- Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Mũ vải; - Đệm vai; - Khẩu trang lọc bụi; - Mawtk nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Xà phòng.	để sử dụng khi cần thiết.
70	Dán ép chứng minh thư nhân dân.	- Áo choàng vải; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
71	Giám định dấu vết vân tay, tài liệu.	- Áo choàng vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
XXIX.11. Sửa chữa thiết bị văn phòng			
72	- Vận hành kiểm sửa chữa, bảo dưỡng máy, thiết bị văn phòng; + Máy vi tính (computer) và máy in kèm theo; + Máy sao chụp (photocopy), máy fax.	- Quần áo lao động phổ thông hoặc áo choàng trắng; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Xà phòng.	
XXIX.12. Khoa học và Công nghệ			
73	Công nhân, kỹ thuật viên phục vụ trong các phòng thí nghiệm độc hại; các nhân viên phục vụ trong các phòng thí nghiệm sinh học phân tử, liên tục tiếp xúc với các hóa chất có thể gây đột biến gen.	- Quần áo bảo hộ; - Găng tay sử dụng một lần; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su; - Xà phòng; - Kính chống tia Ronghen, phóng xạ.	

Phụ lục 2

MẪU ĐỀ XUẤT BỔ SUNG DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN BẢO VỆ CÁ NHÂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2014/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Cơ quan đề nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngàythángnăm

V/v: Đề nghị bổ sung danh mục
phương tiện bảo vệ cá nhân

Kính gửi:⁽¹⁾

Thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, để phù hợp với điều kiện lao động của công việc cụ thể tại đơn vị,⁽²⁾ đề nghị bổ sung công việc và phương tiện bảo vệ cá nhân vào danh mục phương tiện bảo vệ cá nhân như sau:

TT	Nghề, công việc	Mô tả điều kiện lao động	Phương tiện bảo vệ cá nhân đề xuất	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

Đề nghị⁽¹⁾ kiến nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, sửa đổi danh mục phương tiện bảo vệ cá nhân./.

Nơi nhận:

.....
.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

⁽¹⁾ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương hoặc Bộ, ngành chủ quản.

⁽²⁾ Tên doanh nghiệp, đơn vị.

Phụ lục 3

MẪU SỔ THEO DÕI CẤP PHÁT PHƯƠNG TIỆN BẢO VỆ CÁ NHÂN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2014/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Tên đơn vị:.....

SỔ THEO DÕI CẤP PHÁT PHƯƠNG TIỆN BẢO VỆ CÁ NHÂN
NĂM.....

TT	Họ và tên người nhận	Bộ phận, nơi làm việc	Tên, loại	Số lượng	Ngày nhận	Ghi chú	Ký nhận
1							
2							
3							
...							

NGƯỜI THỰC HIỆN CẤP PHÁT
(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phương tiện bảo vệ cá nhân sử dụng chung thì ghi rõ vào cột ghi chú